

Số: **171.18**/CV-ACBS.26

No: **171.18**/ CV-ACBS.26

TP. HCM, ngày 21 tháng 9 năm 2026

HCMC, September 21, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission of Vietnam;*
Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ *Vietnam Exchange;*
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ *Hanoi Stock Exchange;*
Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh/ *Hochiminh Stock Exchange.*

1. Tên tổ chức: **Công ty TNHH Chứng khoán ACB**

Name of organization: ACB Securities Company

- Mã thành viên/ *Broker code:* 006

- Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà Léman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh.

Address: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, HCMC.

- Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Telephone: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

- E-mail: cbtt@acbs.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/ **Contents of disclosure:**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) công bố Thông báo phát hành và Bản cáo bạch đối với 11 chứng quyền có đảm bảo như sau:

ACB Securities Company (ACBS) would like to announce the Covered Warrant Issuance Notice and Prospectuses for the offering of 11 covered warrants as follows:

1. Chứng quyền **FPT/ACBS/7M/116** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 433/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);

*Covered Warrant **FPT/ACBS/7M/116** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 433/GCN-UBCK dated September 16, 2026);*



2. Chứng quyền **HPG/ACBS/7M/117** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 434/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);
*Covered Warrant **HPG/ACBS/7M/117** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 434/GCN-UBCK dated September 16, 2026);*
3. Chứng quyền **MBB/ACBS/7M/118** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 435/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);
*Covered Warrant **MBB/ACBS/7M/118** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 435/GCN-UBCK dated September 16, 2026);*
4. Chứng quyền **MSN/ACBS/7M/119** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 436/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);
*Covered Warrant **MSN/ACBS/7M/119** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 436/ GCN-UBCK dated September 16, 2026);*
5. Chứng quyền **MWG/ACBS/7M/120** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 437/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);
*Covered Warrant **MWG/ACBS/7M/120** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 437/ GCN-UBCK dated September 16, 2026);*
6. Chứng quyền **SHB/ACBS/7M/121** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 442/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);
*Covered Warrant **SHB/ACBS/7M/121** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 442/ GCN-UBCK dated September 16, 2026);*
7. Chứng quyền **STB/ACBS/7M/122** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 440/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);
*Covered Warrant **STB/ACBS/7M/122** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 440/ GCN-UBCK dated September 16, 2026);*
8. Chứng quyền **TCB/ACBS/7M/123** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 438/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);
*Covered Warrant **TCB/ACBS/7M/123** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 438/ GCN-UBCK dated September 16, 2026);*
9. Chứng quyền **VIB/ACBS/7M/125** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 441/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);
*Covered Warrant **VIB/ACBS/7M/125** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 441/ GCN-UBCK dated September 16, 2026);*
10. Chứng quyền **VNM/ACBS/7M/126** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 439/GCN-UBCK ngày 16/9/2026);
*Covered Warrant **VNM/ACBS/7M/126** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 439/ GCN-UBCK dated September 16, 2026);*

11. Chứng quyền **VPB/ACBS/7M/127** (theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền số 443/GCN-UBCK ngày 16/9/2026).

*Covered Warrant **VPB/ACBS/7M/127** (According to the Certificate of registration of covered warrant offering No. 443/ GCN-UBCK dated September 16, 2026.)*

Chi tiết theo file đính kèm/ *Details in attached file.*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 21/9/2026 tại đường dẫn <http://acbs.com.vn>.

This information was published on the company's website on September 21, 2026, as in the link <http://acbs.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/ *Documents on disclosed information.*

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người được UQ CBTT

Person authorized to disclose information

Giám đốc Nhân sự

Chief Human Resources Officer



Võ Đình Nam

CÔNG TY TNHH CHỨNG
KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 171.10/CV-ACBS.26

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 09 năm 2026

Number: 171.10/CV-ACBS.26

Ho Chi Minh City, September 01, 2026

THÔNG BÁO PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

NOTICE OF COVERED WARRANT ISSUANCE

(Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền số 439/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/09/2026)

(Certificate of Covered Warrant Issuance No.439/GCN-UBCK approved by Chairman of the State Securities Commission on September 16, 2026)

- Tên tổ chức phát hành: Công ty TNHH Chứng khoán ACB
Name of issuing organization: ACB Securities Company
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
Headquarters: 3rd Floor, Léman Luxury Building, 117 Nguyen Dinh Chieu Street, Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City
- Số điện thoại/Tel: (028) 7300 7000
- Số Fax/Fax: 028 7300 3751
- Tên, địa chỉ tổ chức bảo lãnh phát hành: Không có
Name and address of underwriting organization: N/A
- Thông tin về chứng quyền có bảo đảm đăng ký chào bán:
Information of covered warrant issued:
 - Tên chứng quyền có bảo đảm: Chứng quyền VNM/ACBS/7M/126
Covered warrant name: Warrant VNM/ACBS/7M/126
 - Mã chứng quyền có bảo đảm (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): Không có
Covered warrant code (in case of additional issuance of existing warrant): N/A
 - Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VNM
Underlying Security Code: VNM
 - Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam
Underlying Security Issuer: Vietnam Dairy Products Joint Stock Company
 - Loại chứng quyền: Mua
Warrant type: Call
 - Kiểu chứng quyền: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn



- *Exercise type: A warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date*
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
Settlement type: Cash settlement
- Thời hạn: 7 tháng
Term: 7 months
- Ngày đáo hạn: 23/04/2027
Maturity date: 23 April, 2027
- Tỷ lệ chuyển đổi: 7:1
Conversion ratio: 7:1
- Giá thực hiện (chỉ số thực hiện): 61.000 đồng
Exercise price: 61,000 dong
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán: 16.500.000.000 đồng
The value of the collateral for payment security obligation: 16,500,000,000 dong
- 7. Số lượng đăng ký chào bán: 15.000.000 chứng quyền
Total offering number: 15,000,000 warrants
- 8. Giá chào bán: 2.200 đồng/chứng quyền
Offering price: 2,200 dong per warrant
- 9. Số lượng chứng quyền có bảo đảm đã phát hành (trường hợp thông báo phát hành bổ sung): Không có
Number of already issued covered warrant (in case of additional issuance of existing warrant): N/A
- 10. Số lượng đăng ký mua tối thiểu: Tối thiểu 1.000 chứng quyền đến tối đa 500.000 chứng quyền phân phối cho mỗi nhà đầu tư đăng ký mua, và là bội số của 100
Bidding volume per investor: From a minimum of 1,000 warrants to a maximum of 500,000 warrants allocated to each bidding investor, and in multiples of 100
- 11. Thời gian nhận đăng ký mua: Từ 08h:00 ngày 23/09/2026 đến 17h:00 ngày 25/09/2026
Timeline for purchase registration: From 08:00 23 September, 2026 to 17:00 25 September, 2026
- 12. Địa điểm nhận đăng ký mua chứng quyền và công bố Bản cáo bạch:
 - Nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua thông qua kênh online:
 - Tại web SMART.acbs.com.vn
 - Qua ứng dụng ACBS SMART
 - Bản cáo bạch đã được UBCKNN chấp thuận, nhà đầu tư tham khảo tại website của ACBS theo đường dẫn www.acbs.com.vn

Place for warrants purchase registration and Prospectus:

- Investors can register to purchase warrants according to the instructions at:
 - Website: SMART.acbs.com.vn
 - ACBS SMART app
- For the Prospectus of the warrants approved by SSC, please visit website at: www.acbs.com.vn

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua chứng quyền có bảo đảm:

- Chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
- Số tài khoản: 8670126147 tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Bank where the escrow account for covered warrant opened:

- Account holder: ACB SECURITIES COMPANY
- Account No.: 8670126147 at BIDV – Nam Ky Khoi Nghia Branch

14. Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư:

Commitment to fulfill issuer's obligations to warrant holders:

Công ty cam kết thực hiện tất cả các nghĩa vụ liên quan của tổ chức phát hành đối với người sở hữu chứng quyền như đã công bố theo bản cáo bạch và quy định của pháp luật liên quan

We undertake to perform all relevant obligations of an issuer to the warrant holders in accordance with the specified terms in the prospectus and relevant laws and regulations.

TỔNG GIÁM ĐỐC

PRESIDENT & CEO



NGUYỄN ĐỨC HOÀN



Handwritten signature

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro từ trang 04 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có bảo đảm.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.



BẢN CÁO BẠCH **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB**

(Giấy phép hoạt động số: 06/GPDKĐ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
cấp ngày 29 tháng 06 năm 2000)

Giấy phép điều chỉnh số: 62/GPDC-UBCK ngày 29 tháng 05 năm 2026)

ACBS

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm số: 333.../GCN-UBCK do
Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/01/2016)

Chứng quyền VNM/ACBS/7M/126

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày thông báo phát hành tại:

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Leman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM

Điện thoại: (028) 7300 7000

Fax: (028) 7300 3751

Website: www.acbs.com.vn

Email: acbs@acbs.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông: Võ Đình Nam

Chức vụ: Giám đốc nhân sự

Điện thoại: (028) 7300 7000

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 09 năm 2026

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

(Giấy phép hoạt động số: 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 06 năm 2000)

(Giấy phép điều chỉnh số: 62/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 05 năm 2026)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỔ BẢO ĐẢM

STT	Khoản mục	Nội dung
1.	Tên chứng quyền cổ bảo đảm	Chứng quyền VNM/ACBS/7M/126
2.	Tên (mã) chứng khoán cơ sở	VNM
3.	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	Công ty Cổ phần sữa Việt Nam
4.	Loại chứng quyền	Chứng quyền mua
5.	Kiểu thực hiện	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
6.	Phương thức thực hiện quyền	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền
7.	Thời hạn của chứng quyền	7 tháng
8.	Ngày phát hành dự kiến	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền cổ bảo đảm
9.	Ngày giao dịch cuối cùng dự kiến	Trước ngày đáo hạn 2 ngày làm việc
10.	Ngày đáo hạn dự kiến	Ngày tròn 07 tháng kể từ ngày phát hành
11.	Tỷ lệ chuyển đổi	7:1 (bảy chứng quyền quy đổi một cổ phiếu).
12.	Giá thực hiện dự kiến	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện sẽ được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
13.	Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán
14.	Giá chào bán	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố chính thức tại Thông báo phát hành.
15.	Tổng số lượng chào bán	15.000.000 (mười lăm triệu) chứng quyền
16.	Tổng giá trị chào bán (dự kiến)	15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng đến 45.000.000.000 (bốn mươi lăm tỷ) đồng

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

TỔ CHỨC TƯ VẤN: Không áp dụng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

- Địa chỉ: Số 113, Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3821 9266
- Website: <https://home.kpmg/vn/vj>.

NGÂN HÀNG LƯU KÝ

Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website: www.bidv.com.vn.



MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền	4
2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền	5
3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở	6
4. Các rủi ro khác	6
4.1. Rủi ro về kinh tế	6
4.2. Rủi ro về luật pháp	7
4.3. Rủi ro chính trị	7
4.4. Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền	7
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ..	8
1. Tổ chức phát hành	8
2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn	8
III. CÁC KHÁI NIỆM	8
IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ	10
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam	10
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư	11
3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền	12
V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	13
1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm	13
1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	13
1.2. Cơ cấu tổ chức Công ty	16
1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	19
1.4. Danh sách thành viên góp vốn (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn góp của công ty và những người có liên quan; Danh sách thành viên sáng lập và tỷ lệ vốn góp nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)	24
1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	25
1.6. Thông tin về ban điều hành tổ chức phát hành	25
1.7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực	28
2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành	28



2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành	28
2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm 2024 – 2025 và Quý 2/2026	31
2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành	32
3. Tình hình tài chính	39
3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn	39
3.2. Các khoản phải nộp theo luật định	39
3.3. Tổng dư nợ vay	39
3.4. Tình hình công nợ hiện nay (tổng nợ phải thu, tổng nợ phải trả)	39
3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	39
VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	40
1. Thông tin chung về chứng quyền	40
1.1. Thông tin về chứng quyền phát hành	40
1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó (đối với trường hợp chào bán bổ sung): Không có	42
2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	42
2.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở	42
2.2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở	43
3. Thời gian phân phối chứng quyền	44
4. Đăng ký mua chứng quyền	45
5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm	46
6. Thực hiện chứng quyền	47
6.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau (với giả định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc):	47
6.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán	49
7. Quyền của người sở hữu chứng quyền	50
8. Điều chỉnh chứng quyền	50
9. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền	51
10. Hoạt động tạo lập thị trường	52
VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	54
1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:	54
2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần	54
VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	54



1. Quy trình quản trị rủi ro.....	54
1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Phòng ban liên quan.....	54
1.2. Quy trình quản trị rủi ro.....	55
1.3. Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và kỷ quỹ (theo đặc thù của tổ chức phát hành).....	59
1.4. Tổ chức đánh giá tín dụng: Không có.....	60
2. Phương án phòng ngừa rủi ro.....	60
2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro.....	60
2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro.....	60
2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát.....	61
3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền.....	64
IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	74
1. Tổ chức kiểm toán.....	74
2. Ngân hàng lưu ký.....	74
3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn.....	74
X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	74
XI. CAM KẾT.....	75
XII. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN.....	75
XIII. PHỤ LỤC.....	76

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc Bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền), các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền.

Chứng quyền là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền không nên hiểu việc phát hành chứng quyền như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo Bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

- Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: Tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền trên thị trường và chứng quyền này có thể được nắm giữ hoặc bị hủy hoặc bán lại. Tổ chức phát hành có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền.
- Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền, mặc dù những tiêu chuẩn khắt khe về khả năng thanh toán phải luôn được chấp hành bởi tổ chức phát hành, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.
- Rủi ro chứng quyền bị hủy niêm yết: Chứng quyền sẽ bị hủy bỏ niêm yết bắt buộc theo các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 120 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền bị hủy trước ngày đáo hạn. Các trường hợp quy định cụ thể như sau:
 - a. Chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc không thể xác định được chỉ số chứng khoán;
 - b. Hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; hoặc khi phát hiện tổ chức phát hành không ký quỹ bảo đảm thanh toán hoặc không có bảo lãnh thanh toán của ngân hàng;



- c. Tổ chức phát hành vi phạm nghĩa vụ phòng ngừa rủi ro hoặc vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ tạo lập thị trường dẫn đến bị chấm dứt hoạt động tạo lập thị trường theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
 - d. Các chứng quyền đã được hoàn tất việc thực hiện quyền hoặc đã đáo hạn;
 - e. Tổ chức niêm yết bị thu hồi Giấy phép hoạt động trong lĩnh vực chuyên ngành.
- Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong Bản cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cần trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền.
 - Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: Tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền khác có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng quyền này.

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

- Rủi ro đầu tư chung: Người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá chứng quyền và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.
- Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền: Do chứng quyền có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền.
- Rủi ro về giá: Là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền. Sự thay đổi giá của chứng quyền phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, giá của chứng quyền còn



phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền thông qua phương thức phát hành bổ sung, miễn là hạn mức phát hành chứng quyền đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành bổ sung có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền.

- **Rủi ro từ tính đòn bẩy:** Đầu tư vào chứng quyền chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.
- **Rủi ro thanh khoản:** Là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền tại mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền đó. Thanh khoản của chứng quyền phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động tạo lập thị trường của tổ chức phát hành. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền sẽ sôi động.
- **Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền không có quyền lợi như cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở,** bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro liên quan đến chứng khoán cơ sở

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhò hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Các rủi ro khác

4.1. Rủi ro về kinh tế

Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung luôn gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam. Sự tăng trưởng của nền kinh tế sẽ tạo nhiều cơ hội cho



doanh nghiệp phát triển, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế toàn cầu, các doanh nghiệp sẽ gặp không ít thách thức do phải đối mặt với áp lực cạnh tranh, thâm nhập và mở rộng thị trường mới. Triển vọng phát triển kinh tế luôn chịu tác động của nhiều yếu tố biến động khó dự báo mà khi xảy ra sẽ nhanh chóng tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Điều này sẽ ảnh hưởng gián tiếp đến sự phát triển của thị trường chứng khoán nói chung và sự phát triển của các sản phẩm chứng quyền nói riêng.

4.2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam đã và đang hoàn thiện, luôn được thay đổi để phù hợp với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, xã hội. Do vậy, việc nâng cao tính ổn định về các chính sách pháp luật của Nhà nước là hết sức cần thiết cho các doanh nghiệp, đặc biệt khi nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hòa nhập với sự vận động và phát triển không ngừng của nền kinh tế thế giới. Để hạn chế những tác động của rủi ro liên quan đến luật pháp, các doanh nghiệp cũng như ACBS sẽ luôn chủ động, thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật để có những điều chỉnh phù hợp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Hoạt động theo hình thức Công ty TNHH, ACBS chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Các văn bản pháp luật này nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

4.3. Rủi ro chính trị

Những sự kiện chính trị, những thay đổi trong việc điều hành chính sách của Nhà nước, Chính phủ sẽ luôn ảnh hưởng đến nền kinh tế và từ đó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp.

4.4. Rủi ro về thuế khi thực hiện quyền

Theo quy định của pháp luật về thuế khi thực hiện quyền đối với chứng quyền đáo hạn trong trạng thái có lãi, nhà đầu tư có thể gặp phải rủi ro khi tiền thuế mà nhà đầu tư phải nộp có thể nhiều hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được. Do đó, nhà đầu tư cần cân nhắc những vấn đề này trong quá trình đầu tư của mình.

Hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành cũng như sự kỳ vọng của những nhà đầu tư có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng khác như: rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, hay sự ảnh hưởng bởi những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, v.v... Điều này, không những ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của tổ chức phát hành, mà còn ảnh hưởng đến tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp làm ảnh hưởng đến giá của các sản phẩm chứng quyền.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức phát hành**

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS).

Ông: Đỗ Minh Toàn Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng thành viên.**

Ông: Nguyễn Đức Hoàn Chức vụ: **Tổng Giám đốc.**

Ông: Võ Văn Vân Chức vụ: **Phó Giám đốc tài chính kiêm Kế Toán Trưởng.**

Ông: Huỳnh Hiếu Nghĩa Chức vụ: **Kiểm soát viên.**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức bảo lãnh phát hành, tổ chức tư vấn:

Không có.

III. CÁC KHÁI NIỆM

- **ACBS: Tổ chức phát hành:** Công ty TNHH Chứng Khoán ACB.
- **UBCKNN:** Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- **SGDCK:** Sở Giao dịch Chứng khoán.
- **HOSE:** Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.
- **HNX:** Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- **VSDC:** Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **TNHH:** Trách nhiệm hữu hạn.
- **MTV:** Một thành viên.
- **CTCP:** Công ty Cổ phần.
- **VNĐ:** Việt Nam đồng.
- **CBCNV:** Cán bộ công nhân viên.
- **SVCK:** So với cùng kỳ.
- **DN:** Doanh nghiệp.
- **XNK:** Xuất nhập khẩu.
- **NSNN:** Ngân sách Nhà nước.
- **Chứng quyền có bảo đảm:** là loại chứng khoán có tài sản bảo đảm do công ty chứng khoán



phát hành, cho phép người sở hữu được nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá thanh toán tại thời điểm thực hiện.

- **Chứng quyền mua:** là loại chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá thanh toán cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- **Chứng khoán cơ sở (CKCS):** là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở** là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.
- **Tổ chức phát hành chứng quyền** (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành, hoặc TCPH): là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.
- **Ngân hàng lưu ký:** là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.
- **Người sở hữu chứng quyền:** là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.
- **Giá thực hiện:** là mức giá được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.
- **Tỷ lệ chuyển đổi:** cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở. Tỷ lệ chuyển đổi được làm tròn đến bốn chữ số thập phân sau dấu phẩy.
- **Ngày đáo hạn:** là ngày mà người sở hữu chứng quyền thực hiện chứng quyền và tổ chức phát hành phải thanh toán đối với chứng quyền có lãi.
- **Chứng quyền đang lưu hành:** là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.
- **Chứng quyền chưa lưu hành:** là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư.
- **Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành:** bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết:** là số lượng chứng khoán cơ sở dự kiến cần phải nắm giữ để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền xác định theo phương án phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành.
- **Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế:** là vị thế được xác định bằng số lượng chứng khoán cơ sở thực có, số lượng chứng khoán cơ sở chờ về trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro, số lượng chứng khoán phát sinh do thực hiện quyền (trả cổ tức bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu) từ chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh được dùng cho mục đích phòng ngừa rủi ro và số lượng chứng khoán quy đổi trong trường hợp tổ chức phát hành sử dụng chứng khoán phòng ngừa



rủi ro là chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền. Chứng khoán có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền bao gồm chứng khoán thực có trên tài khoản tự doanh và chứng khoán chờ về tài khoản tự doanh.

- **Chứng quyền có lãi (ITM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá thanh toán.
- **Chứng quyền lỗ (OTM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá thanh toán.
- **Chứng quyền hòa vốn (ATM):** là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá thanh toán.
- **Delta; Hệ số phòng ngừa rủi ro Delta:** là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức Black Scholes.

Công thức tính Delta:

$$\text{Delta} = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

- **Công thức Black Scholes:** là một công thức toán học ứng dụng để định giá các công cụ tài chính mà tiêu biểu là quyền chọn kiểu châu Âu, với giá định giá của các công cụ này sẽ tuân theo phân phối chuẩn.
- **Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền:** là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Dữ liệu tháng 8 tiếp tục củng cố triển vọng tăng trưởng trong Quý 3/2026, song chưa đủ để khẳng định nền kinh tế đã bước vào một quỹ đạo bứt phá trên diện rộng. Sản xuất công nghiệp, vốn FDI và tiến độ giải ngân đầu tư công đều khởi sắc một cách rõ nét trong khi chỉ số PMI Sản xuất tăng lên 53,3 điểm. Vì vậy, giai đoạn hiện tại được đánh giá là một chu kỳ tăng trưởng dẫn dắt bởi sản xuất và đầu tư, nhưng cơ chế truyền dẫn sang sức cầu tiêu dùng, thị trường lao động và khối doanh nghiệp xuất khẩu nội địa vẫn ghi nhận nhiều sự phân hóa.

- **Động lực bứt phá mạnh nhất vẫn tập trung ở khu vực sản xuất.** Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 8 tăng 14,4% YoY và đạt 11,9% trong 8 tháng đầu năm 2026 (8T26), trong đó ngành chế biến, chế tạo tăng 12,5% YTD. Vốn FDI thực hiện đạt 17,25 tỷ USD (+12,0% YoY), với công nghiệp chế biến - chế tạo chiếm 82,6%; đồng thời, vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trong tháng 8 tăng tốc 24,1% YoY. Khảo sát của S&P Global ghi nhận sản lượng và tổng số lượng đơn đặt hàng mới gia tăng mạnh mẽ; tuy nhiên, xu hướng suy giảm trở lại của đơn hàng xuất khẩu mới và quy mô nhân sự là tín hiệu cho thấy vẫn còn tương đối sớm để nâng triển vọng tăng trưởng này thành một luận điểm đầu tư về việc mở rộng năng lực sản xuất trên diện rộng.



- **Chất lượng tăng trưởng tiếp tục bộc lộ sự phân hóa sâu sắc.** Tổng mức bán lẻ danh nghĩa tăng 13,3% YoY trong 8T26, song tăng trưởng thực tế (đã loại trừ yếu tố giá) chỉ đạt 7,6%. Thâm hụt thương mại tháng 8 dù thu hẹp về mức 0,11 tỷ USD song chủ yếu đến từ việc hoạt động nhập khẩu suy giảm từ phía nội địa lẫn FDI. Lũy kế 8T26, xuất khẩu hàng điện tử tăng trưởng 51,1%, trong khi dệt may chỉ tăng khiêm tốn 1,6% và giấy dệp tăng 0,7%. Động cơ tăng trưởng của nền kinh tế vì vậy đang ngày càng tập trung cục bộ vào tổ hợp công nghệ và tư liệu sản xuất do khối FDI dẫn dắt.
- **Áp lực lạm phát tiếp tục là lực cản lớn và làm thu hẹp dư địa điều hành chính sách.** CPI tăng 0,47% MoM và 4,89% YoY, phần lớn bắt nguồn từ nhóm giao thông bật tăng 4,09% (đóng góp tới 0,41 đpt vào mức tăng CPI tháng) do giá dầu diesel và xăng tăng lần lượt 22,15% và 9,53%. Trong khi đó, CPI cơ bản tăng 0,11% MoM và 4,55% YoY. Đáng chú ý, cú sốc chuyển giá năng lượng này vẫn đang diễn ra khi chính sách ưu đãi thuế đối với xăng dầu vẫn còn hiệu lực đến hết tháng 9, phản ánh áp lực truyền dẫn từ đà tăng giá sản phẩm lọc hóa dầu quốc tế là rất lớn, vượt qua cả các bộ đệm chính sách trong nước.
- **Kịch bản cơ sở nghiêng về việc tăng trưởng kinh tế Quý 3 tiếp tục duy trì xung lực, song dư địa chính sách bị thu hẹp và hiệu quả truyền dẫn của các gói hỗ trợ vẫn chưa trọn vẹn.** Bên cạnh đó, tiến trình cải cách thể chế tiếp tục diễn ra với mật độ dày đặc, bao phủ từ quy định an toàn bằng cân đối ngân hàng, phát triển thị trường vốn, nội địa hóa dòng vốn FDI, cải thiện môi trường kinh doanh cho đến chính sách thuế đối với hộ kinh doanh. Giá trị thực tế đối với thị trường chứng khoán ở thời điểm hiện tại sẽ phụ thuộc vào mức độ hạ nhiệt chi phí vốn, gia tăng giá trị gia tăng nội địa, khơi thông tiến độ dự án và thúc đẩy khu vực tư nhân.

(Nguồn: Cục Thống kê – Bộ Tài chính, S&P Global, ACBS tổng hợp)

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

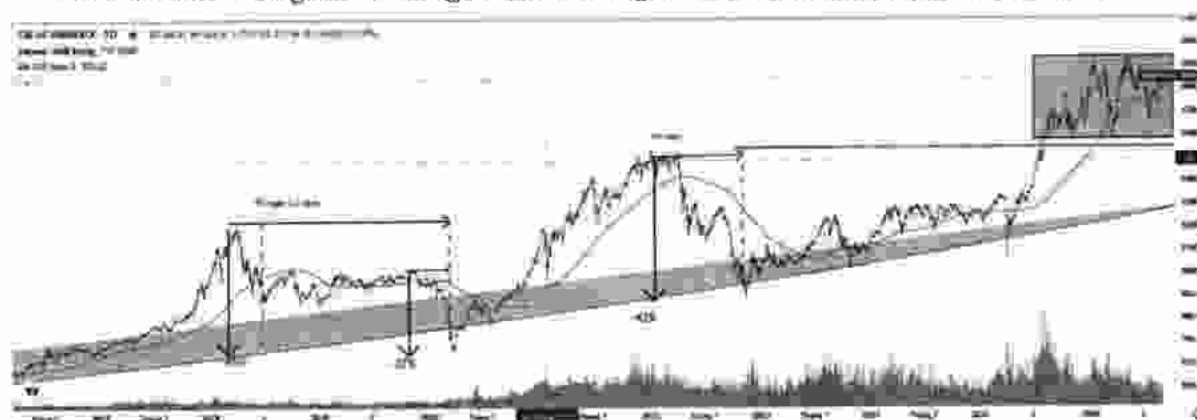
Xét xu hướng giá, đến cuối tháng 8 năm 2026, VNIndex hồi phục lại phần đã giảm điểm trong tháng 7 và đang giao dịch bên trên MA200. Đánh giá riêng từng cổ phiếu vốn hóa lớn trong VN30, vùng giá MA200 vẫn đang là mốc quan trọng và được thị trường kiểm chứng. Một số cổ phiếu ngân hàng đã hồi phục về lại trên MA200 như: TCB, MBB, VPB,...

Về mặt định giá, P/E của VNIndex ở mức ~12,x và VN30 ~13,x. Mức định giá trong bối cảnh tăng trưởng GDP của Việt Nam hướng đến mốc 2 chữ số trong năm 2026, tạo ra sức hấp dẫn đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam trong tầm nhìn 6-12 tháng tiếp theo về mặt tương quan tăng trưởng và định giá.

Xét về yếu tố thanh khoản, giá trị giao dịch trung bình tháng 8/2026 trên VNIndex đang quanh

mức 19.3 nghìn tỷ/phần, sụt giảm mạnh so với mức trung bình 26.5 nghìn tỷ/phần của năm 2025.

Hình. VNIndex đang điều chỉnh giá về dưới vùng MA200 để kiểm nghiệm xu hướng mới



(Nguồn: Fireant.vn, ACBS tổng hợp)

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền

Chứng quyền có bảo đảm là một sản phẩm được phát hành bởi công ty chứng khoán, được niêm yết và giao dịch trên HOSE. Sản phẩm này mang lại cho nhà đầu tư công cụ phòng hộ rủi ro, cũng như đa dạng hóa và gia tăng hiệu quả cho danh mục đầu tư khi thị trường chứng khoán có biến động mạnh. Với tác động đòn bẩy cao, đây là cơ hội cho các nhà đầu tư với số vốn nhỏ có thể tiếp cận được cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt trên thị trường thông qua sản phẩm chứng quyền. Khi có một sự thay đổi nhỏ về giá của chứng khoán cơ sở có thể dẫn đến sự thay đổi lớn hơn về giá của chứng quyền.

Giá chứng quyền phụ thuộc nhiều vào giá chứng khoán cơ sở, diễn biến chung của thị trường và một số yếu tố khác. Khi đầu tư vào chứng quyền mua, lợi nhuận có thể thu được là không hạn chế trong trường hợp biến động giá của chứng khoán cơ sở theo xu hướng tăng như kỳ vọng. Trong khi đó, khoản lỗ tối đa được cố định trong trường hợp biến động giá của chứng khoán cơ sở theo xu hướng không như dự đoán và khoản lỗ đó cũng chính là chi phí mua chứng quyền mua của nhà đầu tư.

Thời gian và phương thức giao dịch chứng quyền được thực hiện một cách dễ dàng và thuận lợi tương tự như chứng khoán cơ sở đang giao dịch trên HOSE. Nhà đầu tư không cần phải mở tài khoản giao dịch khác để đầu tư vào chứng quyền. Ngoài ra, các tổ chức phát hành phải thực hiện nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành theo quy định cũng góp phần đảm bảo thanh khoản và thu hút nhiều nhà đầu tư quan tâm.

Đối với các nhà đầu tư nước ngoài, chứng quyền là một sản phẩm đầu tư hấp dẫn bởi không giới hạn tỷ lệ đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài như khi đầu tư vào chứng khoán cơ sở. Qua đó, thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và chứng quyền nói riêng sẽ thu hút các tổ chức tài chính



quốc tế, tạo sân chơi rộng hơn cho các nhà đầu tư, thể hiện sự chuyên nghiệp của thị trường.

Tuy nhiên, do chứng quyền là một loại chứng khoán có những yếu tố đặc thù riêng biệt, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cần nghiên cứu, tìm hiểu kỹ trước khi ra quyết định đầu tư nhằm giảm thiểu những rủi ro và tổn thất có thể xảy ra.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CỔ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền cổ bảo đảm

1.1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty TNHH Chứng khoán ACB (ACBS) được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 06/GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/06/2000, Hội sở chính đặt tại: Tầng 3, Tòa nhà Léman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh. Vốn điều lệ hiện nay của ACBS là **11.000** tỷ đồng.

Năm 2000: Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp phép hoạt động số 06/GPHĐKD ngày 29/6/2000 cho Công ty TNHH Chứng khoán ACB thành lập với 100% vốn chủ sở hữu của Ngân hàng TMCP Á Châu. Vốn điều lệ ban đầu là 43 tỷ đồng (Bốn mươi ba tỷ đồng). Từ ngày đầu hoạt động, ACBS đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán theo luật định: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Năm 2005: ACBS thay đổi vốn điều lệ lần thứ nhất, tăng lên 100 tỷ đồng (Một trăm tỷ đồng).

Năm 2006: Tháng 05/2006, vốn điều lệ tăng lần hai là 250 tỷ đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng).

Năm 2007: Tháng 09/2007, thay đổi vốn điều lệ lần ba, tăng thành 500 tỷ đồng (Năm trăm tỷ đồng). Ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống giao dịch trực tuyến, cho phép giao dịch qua Internet với phương thức bảo mật bằng Chứng chỉ số.

Năm 2008: Ngày 14/01/2008, ACBS tăng vốn lần thứ tư, vốn điều lệ lúc này là 1.000 tỷ đồng (Một nghìn tỷ đồng). Đồng thời, nghiệp vụ Quản lý Danh mục đầu tư được hủy bỏ theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Năm 2009: Ngày 04/11/2009, ACBS tăng vốn điều lệ lần thứ năm, 1.500 tỷ đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng). Định vị thương hiệu với giá trị cốt lõi: An toàn, Chính xác, Bảo mật, Sáng tạo.

Năm 2010: Đưa vào sử dụng dịch vụ giao dịch qua Tổng đài điện thoại 1900 5555533, Chuyển đổi phương thức bảo mật từ Chứng chỉ số USB Token cho các giao dịch qua Internet.

Năm 2011: ACBS vinh hạnh được Tạp chí Asiamoney trao tặng nhiều danh hiệu xuất sắc như:



Chất lượng dịch vụ khách hàng tốt nhất; Thực hiện giao dịch tốt nhất; Tổ chức sự kiện và hội thảo tốt nhất; Tổ chức giới thiệu cơ hội đầu tư và gặp gỡ doanh nghiệp tốt nhất; Chuyên viên môi giới xuất sắc nhất.

Năm 2012: ACBS đã chính thức triển khai giải pháp kết nối điện SWIFT với các ngân hàng lưu ký nước ngoài. Đứng hạng 3 về thị phần môi giới trên cả hai sàn HOSE và HNX.

Năm 2013: Đưa vào sử dụng phần mềm giao dịch ACBS Trading cho thiết bị di động dùng hệ điều hành iOS.

Năm 2014: Ngày 13/06/2014, ACBS chuyển đổi trụ sở chính đến 41 Mạc Đình Chi, Phường Đa Kao, Quận 01, TP.HCM. Thay đổi giá trị cốt lõi: Chính trực, Hiệu quả, Hải hòa, Cẩn trọng, Cách tân.

Năm 2015: Chính thức vận hành hệ thống giao dịch mới hiện đại, an toàn, bảo mật hơn. Ra mắt phần mềm giao dịch ACBS Trading cho máy tính bàn, máy tính xách tay và các thiết bị di động sử dụng hệ điều hành Android. Được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán tiêu biểu của Thị trường Chứng khoán Việt Nam.

Năm 2016: Ngày 06/01/2016, ra mắt và chính thức đưa vào sử dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới trên nền tảng những giá trị cốt lõi “Đáng tin cậy – Thân thiện – Nhảy bển”. Ngày 22/04/2016, khai trương phòng giao dịch Bầu Cát: Nâng cao thành công hệ thống giao dịch mới hiện đại, nhanh gọn, an toàn, bảo mật hơn; Là 1 trong 4 Công ty Chứng khoán được UBND Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh và trao tặng bằng khen do có hoạt động xuất sắc nhiều năm liền.

Năm 2017: Ra mắt ứng dụng ACBS trade giúp giao dịch chứng khoán trực tuyến trên iOS và Android; Tổ chức Cuộc thi “TRADE PRO 2017” dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn TP.HCM. ACBS được vinh danh trong top 10 các Công ty Chứng khoán thành viên tiêu biểu; Ra mắt chương trình Top Trader – Nhà đầu tư tài năng.

Năm 2018: Tiếp tục tổ chức cuộc thi ACBS Trade Pro dành cho sinh viên yêu thích chứng khoán thuộc ngành kinh tế – tài chính, chứng khoán hoặc ngân hàng trên địa bàn TP.HCM. Kỷ niệm 18 năm thành lập Công ty TNHH Chứng khoán ACB. Được vinh danh Top 10 công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu của HNX và HSX.

Năm 2019: Ngày 20/5 ACBS ký thỏa thuận hợp tác với EFG Hermes. Chi nhánh Chợ Lớn được thay đổi địa điểm hoạt động về địa chỉ 321 – 323 Trần Phú, Phường 08, Quận 05, TP.HCM.

Năm 2020: Công ty lần đầu tiên phát hành chứng quyền có bảo đảm và đạt thành công rực rỡ với lượng đăng ký đặt mua đạt hơn 50% trong đợt IPO đầu tiên.

Năm 2021: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 3.000 tỷ đồng (Ba nghìn tỷ đồng). Ra mắt dịch vụ mở tài khoản chứng khoán trực tuyến S-eyes sử dụng công nghệ định danh điện tử eKYC.

Năm 2022: ACBS chuyển Trụ sở chính về địa chỉ Tầng 3, Tòa nhà Lémán Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM. Nâng cấp hoàn toàn ứng dụng giao dịch qua điện thoại di động ACBS SMART với giao diện hiện đại và bắt kịp xu hướng.

Năm 2023: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 4.000 tỷ đồng (Bốn nghìn tỷ đồng). đồng thời ACBS mở thêm Chi nhánh Mạc Đĩnh Chi và Chi nhánh Đông Sài Gòn. Được vinh danh là Thành viên tiên biểu trong hoạt động lưu ký chứng khoán năm 2023 bởi Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC).

Năm 2024: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 7.000 tỷ đồng (Bảy nghìn tỷ đồng). Triển khai thành công hệ thống giao dịch chứng khoán mới (core giao dịch). Được vinh danh là Top 10 công ty uy tín ngành tài chính năm 2024 do Vietnam Report và báo Vietnamnet bình chọn; Đạt giải Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á, cấp bởi tổ chức APEA.

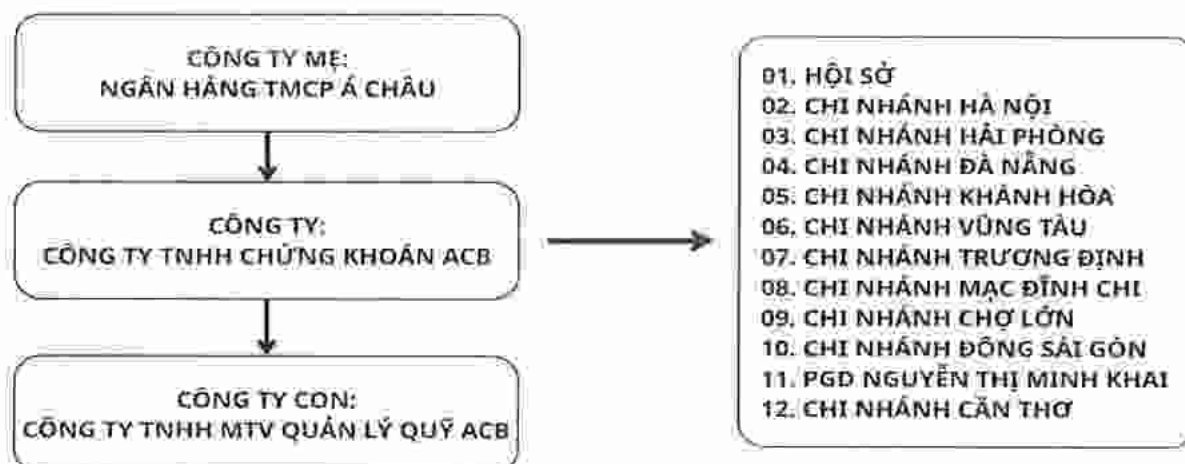
Năm 2025: ACBS tăng vốn điều lệ lên thành 10.000 tỷ đồng (mười nghìn tỷ đồng) vào tháng 01 năm 2025 và tiếp tục tăng thêm 1.000 tỷ đồng (một nghìn tỷ đồng), đạt mốc 11.000 tỷ đồng (mười một nghìn tỷ đồng) vào tháng 04 năm 2025. Công ty đã đạt được các giải thưởng như Doanh Nghiệp Phát Triển Nhanh và Doanh Nghiệp xuất sắc Châu Á do APEA công nhận. Sản phẩm Chuyển đổi số tiêu biểu do Cộng đồng Cổ vấn Tài chính Việt Nam (VWA) và Báo Đầu Tư công nhận; Top 10 Công ty Uy tín Ngành Tài chính do Vietnam Report công nhận.

✦ **Thành tích, giải thưởng đạt được**





1.2. Cơ cấu tổ chức Công ty



(Nguồn: ACBS)

✦ Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu

Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 3929 0999, Fax: (028) 3839 9885.

Vốn điều lệ: 58,044 tỷ đồng.

✦ Công ty: Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Leman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 7300 7000, Fax: (028) 7300 3751.

Vốn điều lệ: 11.000 tỷ đồng do Ngân hàng TMCP Á Châu sở hữu 100%.

✦ Công ty con: Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ACB

Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM.

Điện thoại: (028) 6290 5989.

Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB sở hữu 100%

Thông tin về chi nhánh, phòng giao dịch của Tổ chức Phát hành

- Hội sở

✓ Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Leman Luxury, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Xuân Hòa, TP. HCM

✓ Số điện thoại: (028) 7300 7000

✓ Ngày đăng ký lần đầu: 29/06/2000

✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508



- Chi Nhánh Hà Nội
 - ✓ Địa chỉ: Số 10 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội
 - ✓ Số điện thoại: (024) 3942 9395
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 04/01/2002
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-001
- Chi Nhánh Hải Phòng
 - ✓ Địa chỉ: Tầng 3 số 15 Hoàng Diệu, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng
 - ✓ Số điện thoại: (022) 5356 9998
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 09/10/2007
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-002
- Chi Nhánh Đà Nẵng
 - ✓ Địa chỉ: Số 218 Bạch Đằng, Phường Hải Châu, Đà Nẵng
 - ✓ Số điện thoại: (023) 6384 3444
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 21/04/2010
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-006
- Chi Nhánh Khánh Hòa
 - ✓ Địa chỉ: Số 80 Quang Trung, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
 - ✓ Số điện thoại: (025) 8352 2762
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 19/04/2010
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-007
- Chi Nhánh Vũng Tàu
 - ✓ Địa chỉ: Số 111 Hoàng Hoa Thám (Lầu 2 Lô A3-A8), Phường Vũng Tàu, TP.HCM
 - ✓ Số điện thoại: (025) 4359 7104
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 21/04/2010
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-005
- Chi nhánh Trương Định
 - ✓ Địa chỉ: Số 107N Trương Định, Phường Xuân Hoà, TP.HCM
 - ✓ Số điện thoại: (028) 5404 3054
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 03/11/2008
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-012



- Chi nhánh Mạc Đình Chi
 - ✓ Địa chỉ: 41 Mạc Đình Chi, Phường Sài Gòn, TP.HCM
 - ✓ Số điện thoại: (028) 3823 4160
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 27/01/2023
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-014
- Chi nhánh Chợ Lớn
 - ✓ Địa chỉ: Số 321 - 323 Trần Phú, Phường An Đông, TP.HCM
 - ✓ Số điện thoại: (028) 3969 5548
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 15/04/2010
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-011
- Chi nhánh Đồng Sài Gòn
 - ✓ Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà số 53-55 Nguyễn Hữu Cánh, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP.HCM
 - ✓ Số điện thoại: (028) 7301 7933
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 08/11/2023
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-015
- Phòng Giao Dịch Nguyễn Thị Minh Khai
 - ✓ Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM
 - ✓ Số điện thoại: (028) 7303 1568
 - ✓ Quyết định về việc chấp thuận lập phòng giao dịch công ty chứng khoán số 232/QĐ-UBCK ngày 14/04/2010 (Phòng giao dịch Nguyễn Thị Minh Khai là điểm giao dịch trực thuộc Trụ sở chính, không đăng ký hoạt động với tư cách đơn vị phụ thuộc độc lập, không có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động riêng).
- Chi Nhánh Cần Thơ
 - ✓ Địa chỉ: Số 17-19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
 - ✓ Số điện thoại: (029) 2378 3638
 - ✓ Ngày đăng ký lần đầu: 14/04/2010
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động: 0302030508-004

[illegible]

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát gồm 01 (một) Kiểm soát viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 (năm) năm và Kiểm soát viên có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty. Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

✿ **Hội đồng thành viên:**

Hội đồng thành viên gồm 04 (bốn) thành viên do Chủ sở hữu Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm với nhiệm kỳ 05 (năm) năm, nhân danh Chủ sở hữu Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty; nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, từ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và của pháp luật có liên quan.

Các đơn vị trực thuộc Hội đồng thành viên (HDTV)

✦ **Hội đồng Nhân sự và Lương thưởng:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc thực hiện chức năng về quản trị nhân sự và lương thưởng nhằm xây dựng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cơ cấu tổ chức phục vụ hiệu quả cho nhu cầu phát triển của ACBS.

Hôi đồng quản lý rủi ro:

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng



thành viên và Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro tại ACBS.

➤ **Hội đồng đầu tư:**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến hoạt động đầu tư tại ACBS.

➤ **Hội đồng Quản lý tài sản Nợ - tài sản Có (Hội đồng ALCO):**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên trong việc đưa ra các quyết định để duy trì bằng cân đối kế toán bền vững, đảm bảo thanh khoản và hiệu quả, từ đó tối đa hóa lợi nhuận theo khẩu vị và khả năng chịu đựng rủi ro cũng như vốn tự có của ACBS.

➤ **Hội đồng Công nghệ thông tin (HĐ CNTT):**

Là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên nhằm đề xuất, tham mưu cho Hội đồng thành viên về lĩnh vực Công nghệ thông tin nhằm đảm bảo thực thi việc phát triển CNTT phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh của ACBS trong từng thời kỳ.

➤ **Bộ phận Kiểm toán nội bộ:**

Bộ phận Kiểm toán nội bộ là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng thành viên, có trách nhiệm đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ pháp luật, Điều lệ, các quyết định của Hội đồng thành viên; kiểm tra, xem xét, đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc; đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; tham mưu thiết lập các chính sách, quy trình nội bộ; đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh; đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; đánh giá hiệu quả của các hoạt động và việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng; kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty; kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con; kiểm tra và đánh giá các hoạt động cụ thể theo yêu cầu của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát, Chủ sở hữu. Bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật.

➤ **Tổng Giám đốc:**

Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc thuê với nhiệm kỳ theo quy định của Chủ sở hữu từng thời kỳ, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế; chịu sự giám sát của Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các mảng công việc khác nhau.

Các đơn vị trực thuộc Tổng Giám đốc

**Hội đồng kinh doanh:**

Hội đồng kinh doanh là cơ quan chuyên môn trực thuộc Tổng Giám đốc nhằm đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc đưa ra các quyết định thực hiện nhiệm vụ kinh doanh do Hội đồng thành viên phân công/ủy quyền trong từng thời kỳ.

Cơ cấu tổ chức phân thành như sau:

- a) **Kênh phân phối** (các chi nhánh, phòng giao dịch và sản giao dịch) là trung tâm lợi nhuận, là đầu mối tiếp xúc trực tiếp với khách hàng cá nhân, khách hàng tổ chức (ngoại trừ các tổ chức định chế tài chính) để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh, chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ khách hàng bao gồm thực hiện các nghiệp vụ môi giới, tư vấn đầu tư, cung cấp, tư vấn sử dụng dịch vụ lưu ký, cầm cố, mua bán thỏa thuận cổ phiếu chưa niêm yết... cho khách hàng cập nhật và cung cấp thông tin thị trường, pháp luật, chuyên môn cho khách hàng.
- b) **Khối Kinh doanh chứng khoán gồm 02 (hai) Phòng:** Phòng Dịch vụ chứng khoán Khách hàng tổ chức và Phòng Dịch vụ chứng khoán Khách hàng ưu tiên.
 - i. **Phòng Dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở chịu trách nhiệm tìm kiếm, phát triển, chăm sóc và quản lý khách hàng đồng thời cung cấp các sản phẩm dịch vụ đến khách hàng là các tổ chức trong và ngoài nước, thực hiện các nghiệp vụ môi giới tư vấn đầu tư, xử lý lệnh mua bán chứng khoán cho các khách hàng là tổ chức trong và ngoài nước, cập nhật và cung cấp các bài phân tích thông tin thị trường, thông tin giao dịch, các bài phân tích đầu tư chứng khoán chuyên sâu cho khách hàng.
 - ii. **Phòng Dịch vụ chứng khoán Khách hàng ưu tiên** là đơn vị tư vấn và cung cấp dịch vụ khách hàng ưu tiên tại Hội sở, thực hiện tư vấn, quản lý và triển khai các chính sách bán hàng, tập trung vào việc phân phối sản phẩm và phát triển phân khúc khách hàng ưu tiên nhóm khách hàng ưu tiên (bao gồm khách hàng cá nhân có giao dịch lớn...).
- c) **Khối Đầu tư gồm 05 (năm) Phòng:** Phòng Tư vấn Doanh nghiệp; Phòng Đầu tư Tự doanh; Phòng Thị trường Phái sinh; Phòng Kinh doanh vốn; Phòng Kinh doanh trái phiếu.
 - i. **Phòng Tư vấn Doanh nghiệp** là đơn vị kinh doanh trực thuộc Hội sở, là nơi cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính liên quan đến thị trường vốn, thị trường nợ, tư vấn mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp khác có liên quan đến việc sử dụng nguồn vốn tại ACBS.
 - ii. **Phòng Đầu tư Tự doanh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh đầu tư cổ phiếu.
 - iii. **Phòng Thị trường Phái sinh** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh các sản phẩm phái sinh, sản phẩm chứng quyền có đảm bảo, sản phẩm tài chính có cấu trúc.
 - iv. **Phòng Kinh doanh vốn** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh vốn của Công ty trong từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí và gia tăng lợi nhuận cho Công ty; quản lý tài sản Nợ - Có của Công ty theo định hướng của Hội



đồng ALCO; quản lý thanh khoản của công ty nhằm đảm bảo thanh khoản phục vụ hoạt động kinh doanh và tuân thủ các quy định.

v. **Phòng Kinh doanh trái phiếu** là đơn vị kinh doanh tại Hội sở, Trực thuộc Khối Đầu tư, có chức năng sau:

- Xây dựng chiến lược, chính sách đầu tư, quy trình nghiệp vụ kinh doanh trái phiếu theo định hướng của ACBS trong từng thời kỳ;
- Tổ chức triển khai hoạt động đầu tư và mua trái phiếu doanh nghiệp;
- Tổ chức hoạt động phân phối trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường, bao gồm chào bán, tư vấn đầu tư và chăm sóc khách hàng tổ chức, nhằm mở rộng quy mô khách hàng và tạo doanh thu từ phí dịch vụ; định giá;
- Phân tích diễn biến thị trường tài chính, xu hướng lãi suất, tình hình tín dụng doanh nghiệp và yếu tố kinh tế vĩ mô đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và phòng ngừa rủi ro;
- Tham gia xây dựng và phát triển hệ thống giao dịch trái phiếu.

d) **Phòng Dịch vụ chứng khoán khách hàng cá nhân** là đơn vị quản lý, phát triển, chăm sóc khách hàng không có nhân viên thuộc các chức danh tại Kênh phân phối chăm sóc thông qua các công cụ, nền tảng trực tuyến nhằm gia tăng tài sản, giá trị giao dịch của khách hàng tại ACBS.

e) **Phòng Giải pháp kinh doanh và dịch vụ khách hàng** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng giám đốc và phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ trong việc xây dựng và triển khai các chính sách kinh doanh, chính sách sản phẩm, chính sách hoa hồng, quản lý hiệu quả kinh doanh tại Kênh phân phối; Phòng Dịch vụ chứng khoán khách hàng cá nhân, Phòng dịch vụ chứng khoán khách hàng ưu tiên, Phòng dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức.

f) **Phòng Phân tích và Chiến lược thị trường** là đơn vị hỗ trợ các đơn vị kinh doanh toàn Công ty thông qua việc cung cấp các báo cáo phân tích, các báo cáo nhận định thị trường, phân tích chứng khoán, báo cáo chiến lược, khảo sát đánh giá đối thủ cạnh tranh và thị trường nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, gia tăng giá trị đầu tư cho Công ty và khách hàng.

g) **Khối Quản lý Rủi ro** gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản lý Rủi ro; Phòng Kiểm soát nội bộ và Phòng Pháp chế.

- Phòng Quản lý Rủi ro** là đơn vị thực hiện xác định, đánh giá và giám sát rủi ro, xây dựng và triển khai các chính sách quản lý rủi ro, phê duyệt cấp tín dụng, đề xuất giải pháp giảm thiểu rủi ro, và tư vấn cho ban lãnh đạo để đưa ra các hướng giải quyết phù hợp.
- Phòng Kiểm soát nội bộ** là đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát, giám sát, cảnh báo, bao gồm và không giới hạn ở công việc kiểm soát việc tuân thủ, kiểm soát tình hình hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Hội đồng thành viên, các quy chế, quy định, thủ tục, quy trình nghiệp vụ, hướng dẫn công việc, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các Ban/Phòng/Bộ phận có liên quan và



của người hành nghề chứng khoán trong Công ty

- iii. **Phòng Pháp chế** là đơn vị tham mưu và tư vấn những vấn đề pháp lý có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty; làm đầu mối trong việc xử lý thu hồi nợ xấu bảo đảm tuân thủ theo quy định hiện hành.

h) **Khối Vận hành** gồm 04 (bốn) Phòng: Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán; Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm; Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin; Phòng Dữ liệu và Phân tích.

- i. **Phòng Nghiệp vụ Chứng khoán** là đơn vị chức năng tại Hội sở chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý và hỗ trợ thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghiệp vụ chứng khoán cho tất cả các đơn vị trong toàn Công ty.
- ii. **Phòng Phát triển ứng dụng và sản phẩm** là đơn vị hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong việc quy hoạch và xây dựng lộ trình triển khai các công việc xây dựng và phát triển công nghệ số trong ACBS; phối hợp cùng các đơn vị trong ACBS để triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ việc kinh doanh hiệu quả và hỗ trợ đạt mục tiêu kinh doanh chung của ACBS; triển khai số hóa, tự động hóa và tối ưu hóa nghiệp vụ nhằm giảm thiểu công việc thủ công, hoàn thiện hơn quy trình vận hành và tăng năng suất lao động.
- iii. **Phòng Phát triển hạ tầng và Vận hành Công nghệ thông tin** là đơn vị chịu trách nhiệm phát triển hạ tầng, quản lý bảo mật, quản lý vận hành hệ thống thông tin ổn định, hoạt động liên tục và an toàn thông tin theo quy định của Luật chứng khoán, các cơ quan công quyền có liên quan và ACBS; quản trị kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin nhằm đáp ứng tính ổn định, khả năng tương tác và mở rộng nhằm hỗ trợ chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.
- iv. **Phòng Dữ liệu và Phân tích** là đơn vị chịu trách nhiệm quản trị và khai thác dữ liệu, triển khai hoạt động làm giàu dữ liệu và phân tích dữ liệu nhằm đề xuất các biện pháp cụ thể để nâng cao hiệu quả kinh doanh và doanh số của ACBS; là đầu mối cung cấp các dữ liệu, báo cáo, phân tích theo nhu cầu của các đơn vị trong ACBS.

i) **Khối Tài chính** gồm 02 (hai) Phòng: Phòng Quản trị kết quả hoạt động; Phòng Kế toán.

- i. **Phòng Quản trị kết quả hoạt động** là đơn vị chịu trách nhiệm Quản trị kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; Thiết lập và vận hành các quy trình, hệ thống báo cáo để đánh giá hiệu quả hoạt động của Công ty; phân tích vị thế của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh trên thị trường.
- ii. **Phòng Kế toán** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu, tổ chức vận hành, quản lý và thực hiện các nghiệp vụ kế toán theo quy định của Công ty, ACB và các quy định hiện hành của pháp luật; quản lý chi phí bao gồm ngân sách và hiệu quả chi phí cho Công ty.

j) **Khối Hỗ trợ** gồm 03 (ba) Phòng: Phòng Quản trị Nguồn nhân lực; Phòng Hành chính tổng hợp và Phòng Truyền thông.

- i. **Phòng Quản trị Nguồn nhân lực** là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các công việc liên quan đến



chiến lược quản trị nguồn nhân lực, thực hiện các chính sách nhân sự, phát triển và thu hút nhân tài, quy hoạch và quản lý hiệu quả đội ngũ nhân sự, nhằm hỗ trợ và thúc đẩy thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty.

- ii. **Phòng Hành chính Tổng hợp** là đơn vị tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến quản trị hành chính của hệ thống, công tác phát triển cơ sở vật chất, quản lý tài sản, trang thiết bị làm việc và các công việc có liên quan khác nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.
- iii. **Phòng Truyền thông** là đơn vị tổ chức thực hiện công tác truyền thông, tổ chức sự kiện của Công ty, tổ chức hoạt động truyền thông được thực hiện trên nền tảng kỹ thuật số, quản lý nhận diện thương hiệu và xây dựng hình ảnh Công ty.

1.4. Danh sách thành viên góp vốn (tên, địa chỉ, tỷ lệ nắm giữ) nắm giữ từ 5% trở lên vốn góp của công ty và những người có liên quan; Danh sách thành viên sáng lập và tỷ lệ vốn góp nắm giữ (nếu các quy định về hạn chế chuyển nhượng còn hiệu lực)

- **Danh sách thành viên góp vốn nắm giữ trên 5% vốn điều lệ**

EVT: tỷ đồng

Tên thành viên góp vốn	Địa chỉ	Số vốn góp	Tỷ lệ (%)
Ngân hàng TMCP Á Châu	Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP.HCM	11.000	100%
Tổng cộng		11.000	100%

(Nguồn: ACBS)

- **Danh sách Người có liên quan của Công ty:**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Chức vụ tại công ty (nếu có)
I	Công ty mẹ	
1	Ngân hàng TMCP Á Châu	Công ty mẹ
2	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ ACB (ACBC)	Công ty con
II	Hội đồng thành viên	
1	Đỗ Minh Toán	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Huỳnh Duy Sang	Thành viên HĐQT
4	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên HĐQT
5	Huỳnh Hiếu Nghĩa	Kiểm soát viên
6	Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc
7	Vô Văn Vân	Phó Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng



III	Người được ủy quyền công bố thông tin	
	Võ Đình Nam	Giám đốc Nhân sự
IV	Thư ký công ty	
	Dương Kim Liên	Thư ký Công ty

(Nguồn: ACBS)

1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

✦ **Danh sách những công ty mẹ của tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành**

Công ty mẹ: Ngân hàng TMCP Á Châu

- Địa chỉ: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Cờ, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 3929.0999, Fax: (028) 3839 9885.
- Vốn điều lệ: 58.044 tỷ đồng.

✦ **Danh sách những công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối**

Công ty con: Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ACB

- Địa chỉ: 480 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Cờ, TP.HCM.
- Điện thoại: (028) 6290 5989.
- Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng do Công ty TNHH Chứng khoán ACB sở hữu 100%.

1.6. Thông tin về ban điều hành tổ chức phát hành

✦ **Hội đồng thành viên**

Stt	Họ và tên	Chức danh
1.	Đỗ Minh Toàn	Chủ tịch
2.	Nguyễn Đức Thái Hân	Phó Chủ tịch
3.	Trịnh Bảo Quốc	Thành viên
4.	Huỳnh Duy Sang	Thành viên

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Họ và tên : Đỗ Minh Toàn,



Giới tính : Nam.
 Quốc tịch : Việt Nam.
 Dân tộc : Kinh.
 Năm sinh : 1971.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Columbia Southern, Hoa Kỳ; Cử nhân ngành Ngân hàng Đại học Ngân hàng TP.HCM; Cử nhân Quản trị ngoại thương Đại học Kinh Tế TP.HCM; Cử nhân Luật Đại học Luật TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên

Họ và tên : Nguyễn Đức Thái Hân.
 Giới tính : Nam.
 Quốc tịch : Việt Nam.
 Dân tộc : Kinh.
 Năm sinh : 1967.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học, Luật học Tổng hợp TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Á Châu.

Thành viên Hội đồng thành viên

Họ và tên : Trịnh Bảo Quốc.
 Giới tính : Nam.
 Quốc tịch : Mỹ.
 Dân tộc : Kinh.
 Năm sinh : 1971.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, Trường kinh doanh Berkeley Haas, Đại học California, Hoa Kỳ; Cử nhân sinh vật học và cử nhân sử học, Trường Đại học Kansas, Hoa Kỳ.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Thành viên độc lập Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Á Châu.

**Thành viên Hội đồng thành viên**

Họ và tên : Huỳnh Duy Sang.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1984.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính ngân hàng, Đại học Paris Dauphine & ESCP Europe.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Hội đồng thành viên.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Giám đốc Khối Thị trường Tài chính Ngân hàng TMCP Á Châu.

✦ Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh
Nguyễn Đức Hoàn	Tổng Giám đốc

Họ và tên : Nguyễn Đức Hoàn.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1974.

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Đại học Leicester (Anh); Thạc sĩ Khoa học Tài chính Quốc tế (MSc in Finance), Đại học Westminster (Anh).

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không có.

✦ Kiểm soát viên

Họ và tên	Chức danh
Huỳnh Hiệu Nghĩa	Kiểm soát viên

Họ và tên : Huỳnh Hiệu Nghĩa.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.



Năm sinh : 1964.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, Đại học Ngân hàng TP.HCM.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kiểm soát viên Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Trưởng Ban kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Á Châu.

➤ **Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng**

Họ và tên	Chức vụ
Võ Văn Vân	Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Kế toán trưởng

Họ và tên : Võ Văn Vân.

Giới tính : Nam.

Quốc tịch : Việt Nam.

Dân tộc : Kinh.

Năm sinh : 1978.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân.

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty mẹ: Không có.

1.7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực

- Ông Đặng Quang Huy – Cán bộ Quản lý rủi ro thanh khoản và thị trường.
- Chứng chỉ hành nghề của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Phân tích tài chính
- Kinh nghiệm: Có 8 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính và chứng khoán.

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1. Tổng hợp tình hình hoạt động của tổ chức phát hành

➤ **Tình hình hoạt động của tổ chức phát hành:**

Hoạt động kinh doanh chính của ACBS:

Quý 2 năm 2026, ACBS đã đạt được nhiều thành công, bảng tổng kết tài sản tăng trưởng cao và lợi nhuận tăng trưởng vượt trội. Đồng thời chúng tôi duy trì được cấu trúc tài chính lành mạnh, thanh khoản dồi dào và an toàn vốn cao, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản đạt gần 39.062 tỷ đồng, tăng 15,4% so với cùng kỳ.



- Cho vay khách hàng đạt xấp xỉ 20,645 tỷ, tăng 79% so với cùng kỳ.
- Vay vốn đạt gần 23.737 tỷ, tăng 18.8% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận trước thuế GTĐN 26 đạt 581 tỷ đồng.
- Khả năng sinh lời được cải thiện do tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) đạt mức 2,4% và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt mức 6,4%.
- Lợi nhuận sau thuế lũy kế Quý 2 năm 2026 của ACBS đạt 467 tỷ đồng chủ yếu tăng trưởng từ các hoạt động đầu tư vào các tài sản tài chính và hoạt động cho vay ký quỹ. Các hoạt động khác như dịch vụ lưu ký chứng khoán và các dịch vụ khác được duy trì ở mức ổn định. ACBS chưa cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành.
- Tình hình các hoạt động kinh doanh tại ACBS:

Hoạt động tự doanh và Kinh doanh vốn

Đây tiếp tục là động cơ tăng trưởng chính, đóng góp lớn nhất vào cấu trúc doanh thu của ACBS trong quý đầu năm 2026 nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của thị trường chứng khoán. Doanh thu tự doanh và kinh doanh vốn đạt 1.421 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước, chiếm (khoảng 55%) tổng doanh thu hoạt động của toàn công ty.

Hoạt động cho vay ký quỹ và phải thu

Tận dụng lợi thế quy mô vốn chủ sở hữu liên tục được mở rộng, ACBS đã đẩy mạnh năng lực cho vay nhằm tối ưu hóa lợi nhuận từ nguồn vốn giá rẻ. Hoạt động cho vay margin của ACBS duy trì nhịp bứt tốc rất tốt nhờ làn sóng nhà đầu tư quay lại thị trường khi chỉ số VN-Index tiệm cận các vùng đỉnh mới. Lãi từ các khoản cho vay ký quỹ và phải thu tiếp tục là nguồn thu lớn thứ hai của công ty. Doanh thu cho vay ký quỹ và phải thu đạt 976 tỷ đồng, tăng 115% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động môi giới chứng khoán

Sau giai đoạn tái cấu trúc và chịu áp lực cạnh tranh gay gắt từ các công ty chứng khoán "Zero Fee" năm trước, mảng môi giới của ACBS bắt đầu ghi nhận sự ổn định. ACBS tập trung khai thác tệp khách hàng lớn và đẩy mạnh hệ sinh thái số (App ACBS Smart tích hợp AI SMARTY). Điều này giúp cải thiện hiệu suất sinh lời trên mỗi tài khoản và tối ưu chi phí vận hành khối môi giới. Doanh thu môi giới đạt 197 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động Tư vấn Doanh nghiệp

Thị trường vốn và phát hành trái phiếu ảm đạm lại đã tạo điều kiện cho mảng Tư vấn của ACBS hoạt động tích cực. Công ty tập trung vào các thương vụ thu xếp vốn nợ (trái phiếu doanh nghiệp) và tư vấn tài chính cấu trúc cho các doanh nghiệp vừa và lớn. Doanh thu tư vấn doanh nghiệp đạt 281 triệu đồng

Các khoản đầu tư lớn:



Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/03/2026, chỉ số VnIndex đóng cửa ở mức 1.909 điểm, tăng hơn 2,5% so với đầu năm. Tổng vốn hóa thị trường đến hết Quý 1 năm 2026 đạt hơn 8.726 nghìn tỷ đồng, tương đương 78% GDP. Tuy nhiên, vượt qua những biến động của thị trường cùng với những quyết định kịp thời của Hội đồng Đầu tư, kết quả lợi nhuận đầu tư của ACBS vẫn đạt được hiệu quả nhất định, mặc dù ACBS luôn trong tâm thế hạn chế rủi ro đầu tư ở mức tối đa.

Song hành với sự thay đổi hành vi và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường cơ sở, Nhà đầu tư chứng quyền cũng trở nên phòng thủ hơn và chấp nhận mức định giá thấp hơn rất nhiều so với giai đoạn 2021-2023. Với sự thích ứng và kinh nghiệm hoạt động từ năm 2020, ACBS đã cải tiến sản phẩm và thu hút được chú ý nhiều hơn của khách hàng trên thị trường, giúp ACBS gia tăng thị phần trên thị trường chứng quyền và duy trì ổn định trong Nhóm 3 Nhà tạo lập thị trường hàng đầu thị trường Việt Nam. Sản phẩm chứng quyền của ACBS dần dần có tính cạnh tranh cao và trở thành kênh đầu tư phòng vệ và thay thế hợp lý cho Nhà đầu tư yêu thích các cổ phiếu vốn hóa lớn. Xu hướng này sẽ tiếp tục phát triển và mở rộng trong năm 2026.

Trong chiến lược phát triển thị trường chứng khoán đến năm 2030 vừa được Thủ tướng phê duyệt, quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu sẽ đạt 100% GDP năm 2025 và 120% GDP vào năm 2030. Con số này gần gấp đôi so với quy mô vốn hóa hiện tại. Dự nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 47% GDP (trong đó dự nợ trái phiếu doanh nghiệp đạt tối thiểu 20% GDP) vào năm 2025 và đạt tối thiểu 58% GDP vào năm 2030. Đi theo dòng chảy ấy, các khoản đầu tư tiếp theo trong năm 2026 của ACBS bắt buộc phải mở rộng mạnh về cả lượng và chất để có thể đem lại không những lợi nhuận cho Công ty, cổ đông mà còn cho khách hàng tin tưởng sử dụng dịch vụ liên quan đầu tư của ACBS.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ ACB (ACBC) là công ty con của ACBS được thành lập theo giấy phép hoạt động số 41/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp vào ngày 28 tháng 10 năm 2008, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý quỹ.

Năm 2026 thị trường chứng khoán có diễn biến tương đối tích cực nhưng vẫn còn nhiều biến động. Tuy nhiên, ACBC vẫn linh hoạt cùng diễn biến thị trường để khai thác hiệu quả sinh lời và bám sát chiến lược đầu tư, đảm bảo quản trị rủi ro, tập trung vào các giá trị tăng thêm cho khách hàng. Hoạt động kinh doanh của ACBC tập trung vào việc khai thác tối ưu hiệu quả đầu tư và phát triển bền vững trong dài hạn.

Kết thúc Quý 2 năm 2026, hoạt động của ACBC đạt kết quả như sau:

- Vốn điều lệ: 1.050 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: (11) tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: (11) tỷ đồng

Trong năm 2026, ACBC tiếp tục tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi, nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài sản cho khách hàng hiện hữu, đồng thời quản lý có hiệu quả Quỹ thành



viên ACB50 nhằm đem lại giá trị tối ưu cho khách hàng. ACBS tiếp tục nghiên cứu, thiết kế và quản lý các quỹ đầu tư mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng hiện hữu và khách hàng tiềm năng.

❖ **Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại (nếu có)**

Hiện nay, Công ty đang có tranh chấp Hợp đồng giao dịch ký quỹ với khách hàng. Ngoài ra, Công ty còn là 1 (một) bên có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong các sự việc mà các Bên khác đang tranh chấp về Hợp đồng mua bán trái phiếu và Bồi thường thiệt hại hợp đồng.

Các tranh chấp/kiện tụng tính đến thời điểm hiện tại không làm ảnh hưởng đáng kể đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành.

❖ **Tình hình tuân thủ nghĩa vụ thanh toán của sản phẩm tài chính đã chào bán.**

Từ năm 2020, ACBS đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính là Chứng quyền có bảo đảm và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi chứng quyền đáo hạn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 202 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điểm g Khoản 1 Điều 202a được bổ sung bởi Khoản 72 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ.

❖ **Thông tin khác**

UBCKNN đã ban hành Quyết định số 267/QĐ-XPHC ngày 12/09/2025 và Quyết định số 410/QĐ-XPHC ngày 12/11/2025 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đối với Công ty TNHH Chứng khoán ACB.

2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm 2024 – 2025 và Quý 2/2026

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	Lũy từ đầu Quý 2/2026
1	Tổng giá trị tài sản	26.040.684	38.583.644	48%	39.062.450
2	Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	2.534.400	4.613.719	82%	2.605.726
3	Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	846.194	1.253.726	48%	580.661
4	Lợi nhuận khác	488	221	-55%	339
5	Lợi nhuận trước thuế	846.682	1.253.947	48%	581.000
6	Lợi nhuận sau thuế	683.017	1.017.986	49%	467.491

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm



2026 của ACBS)

2.3. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành:**❖ Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết trên HOSE**

Số STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày đến hạn	Ngày giao hàng	Tỷ lệ giao hàng	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền đang lưu hành
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/87	CHPG2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	2,6778:1	25.885 đồng	19.000.000
2	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/88	CMBB2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	2,4028:1	21.626 đồng	19.000.000
3	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/89	CMWG2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	6,8926:1	83.696 đồng	19.000.000
4	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/90	CSTB2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	5:1	60.000 đồng	19.000.000
5	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/91	CTCB2601	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	3,9176:1	36.238 đồng	19.000.000
6	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/10M/93	CFPT2610	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	11,8370:1	83.845 đồng	19.000.000
7	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/10M/94	CMSN2609	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	8:1	85.000 đồng	11.000.000
8	Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/95	CTPB2605	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	2:1	18.000 đồng	11.000.000
9	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/96	CVHM2609	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	4,3334:1	62.593 đồng	11.000.000
10	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/97	CVIB2604	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,8963:1	17.540 đồng	15.000.000
11	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/10M/98	CVNM2605	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	5,8148:1	62.993 đồng	11.000.000
12	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/99	CVPB2608	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,9651:1	29.476 đồng	15.000.000
13	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/10M/100	CVRE2603	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	2,8973:1	29.938 đồng	11.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
14	Chứng quyền HPG/ACBS/8M/102 Thời hạn 8 tháng	CHPG2625	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	2:1	25.000 đồng	18.000.000
15	Chứng quyền MBB/ACBS/8M/103 Thời hạn 8 tháng	CMBB2614	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	1,6019:1	20.825 đồng	18.000.000
16	Chứng quyền MWG/ACBS/8M/104 Thời hạn 8 tháng	CMWG2616	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	6,8926:1	80.742 đồng	18.000.000
17	Chứng quyền STB/ACBS/8M/105 Thời hạn 8 tháng	CSTB2619	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	5:1	79.000 đồng	18.000.000
18	Chứng quyền TCB/ACBS/8M/106 Thời hạn 8 tháng	CTCB2611	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	3:1	34.000 đồng	18.000.000
19	Chứng quyền VPB/ACBS/8M/107 Thời hạn 8 tháng	CVPB2615	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	2:1	28.500 đồng	18.000.000

📌 Các chứng quyền có bảo đảm đã đáo hạn

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Mua	3 tháng	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28.500 đồng	2.000.000
2	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Mua	6 tháng	05/01/2021	05/07/2021	0,7352:1	30.144 đồng	4.000.000
3	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Mua	9 tháng	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31.000 đồng	2.000.000
4	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/4M/05	CHPG2110	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44.000 đồng	10.000.000
5	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/4M/07	CVNM2108	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8301:1	78.641 đồng	5.000.000
6	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/4M/10	CFPT2104	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8947:1	79.158 đồng	7.000.000
7	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Mua	12 tháng	22/03/2021	22/03/2022	6,6444:1	89.699 đồng	5.000.000



STT	Mã chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Hạn mua	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá mua	Giá trị thanh toán
8	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/06	CTCB2105	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45.000 đồng	15.000.000
9	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30.000 đồng	10.000.000
10	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	8,3261:1	98.248 đồng	5.000.000
11	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Mua	9 tháng	17/11/2021	17/08/2022	9,7163:1	91.333 đồng	15.000.000
12	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	3,7823:1	30.258 đồng	10.000.000
13	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45.000 đồng	5.000.000
14	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	8,2758:1	126.620 đồng	5.000.000
15	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	4,9711:1	72.080 đồng	5.000.000
16	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	9,6717:1	70.603 đồng	5.000.000
17	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33.000 đồng	5.000.000
18	Chứng quyền VIC/ACBS/Call/EU/Cash/6M/18	CVIC2203	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86.000 đồng	5.000.000
19	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	18.000.000
20	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27.000 đồng	4.500.000
21	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	9.000.000
22	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/8M/22	CMSN2214	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100.000 đồng	3.000.000
23	Chứng quyền MWG/ACBS/Call	CMWG2213	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ mua/đồng	Giá thực hiện	Giá trị quyền mua
	/EU/Cash/8M/23								
24	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	5,8946:1	66,806 đồng	6,000,000
25	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29,000 đồng	4,500,000
26	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54,000 đồng	9,000,000
27	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70,000 đồng	8,000,000
28	Chứng quyền POW/ACBS/Call/EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13,000 đồng	2,000,000
29	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20,000 đồng	24,000,000
30	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/9M/30	CFPT2303	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	8,4983:1	73,085 đồng	8,000,000
31	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22,000 đồng	10,000,000
32	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	5,943:1	49,525 đồng	12,000,000
33	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	9,8844:1	88,960 đồng	10,000,000
34	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31,000 đồng	12,000,000
35	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21,000 đồng	10,000,000
36	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37,000 đồng	9,000,000
37	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30,000 đồng	19,000,000
38	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1,6965:1	16,965 đồng	20,000,000



STT	Tên chứng quyền	Vị chứng quyền	Loại	Hạn lưu	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Cổ phiếu mua	Tổng giá trị quyền mua
39	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24.000 đồng	25.000.000
40	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3.962:1	35.658 đồng	9.000.000
41	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1.5718:1	18.076 đồng	15.000.000
42	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/38	CTCB2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27.000 đồng	14.000.000
43	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50.000 đồng	12.000.000
44	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66.000 đồng	6.000.000
45	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25.000 đồng	8.000.000
46	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48.000 đồng	10.000.000
47	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27.000 đồng	8.000.000
48	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	1.8879:1	16.047 đồng	7.000.000
49	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/49	CHPG2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	2.7268:1	28.177 đồng	10.500.000
50	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1.7003:1	20.403 đồng	11.000.000
51	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	4:1	66.000 đồng	10.000.000
52	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30.000 đồng	10.500.000
53	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1.6444:1	19.732 đồng	10.000.000
54	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/	CVNM2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	7.4141:1	61.166 đồng	8.000.000



STT	Mã chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá mua	Tổng giá trị chứng quyền
	EU/Cash/12M/54								
55	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/55	CVPB2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,8488:1	19,412 đồng	9.000.000
56	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/E U/Cash/12M/56	CFPT2404	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	12,8473:1	103,635 đồng	12.000.000
57	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/57	CHPG2409	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	2,4982:1	20,818 đồng	20.000.000
58	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,3033:1	16,943 đồng	15.000.000
59	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	6:1	79,000 đồng	6.000.000
60	Chứng quyền MWG/ACBS/Call /EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	5,9149:1	69,007 đồng	18.000.000
61	Chứng quyền STB/ACBS/Call/E U/Cash/12M/61	CSTB2410	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	3:1	38,000 đồng	11.000.000
62	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	4,8710:1	25,329 đồng	12.000.000
63	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/63	CVHM2408	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	4:1	38,000 đồng	7.000.000
64	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/E U/Cash/12M/64	CVIB2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,6895:1	15,205 đồng	9.000.000
65	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	5,4968:1	62,296 đồng	9.000.000
66	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,9471:1	21,418 đồng	11.000.000
67	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	2:1	16,000 đồng	6.000.000
68	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/E U/Cash/7M/81	CFPT2519	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	6,8870:1	121,385 đồng	16.000.000
69	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/7M/82	CHPG2528	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	2:1	30,000 đồng	17.000.000



SST	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá mua	Giá trị danh nghĩa
70	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/83	CMBB2518	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	1,5:1	21.750 đồng	17.000.000
71	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/84	CMWG2520	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	4,9291:1	77.879 đồng	17.000.000
72	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/85	CSTB2528	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	3:1	49.000 đồng	17.000.000
73	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86	CTCB2518	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	1,9484:1	35.071 đồng	16.000.000
74	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/68	CFPT2513	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	11,0965:1	115.234 đồng	26.700.000
75	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/69	CHPG2518	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,4533:1	22.897 đồng	31.900.000
76	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/70	CMBB2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,25:1	18.750 đồng	35.200.000
77	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/71	CMSN2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	7:1	60.000 đồng	10.000.000
78	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/72	CMWG2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	5,9149:1	63.092 đồng	27.600.000
79	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/73	CSTB2515	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	3:1	40.000 đồng	25.500.000
80	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/74	CTCB2507	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,8624:1	27.193 đồng	20.100.000
81	Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/75	CTPB2503	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,9063:1	12.391 đồng	12.900.000
82	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/76	CVHM2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	4:1	58.000 đồng	10.000.000
83	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/77	CVIB2504	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,6654:1	15.821 đồng	16.600.000
84	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/78	CVNM2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	5,7358:1	52.579 đồng	14.200.000
85	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/79	CVPB2513	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,9651:1	17.686 đồng	29.500.000



STT	Mã chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá mua quyền	Tổng số chứng quyền chào bán
86	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/80	CVRE2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2:1	23.500 đồng	11.000.000

(*) Nghĩa vụ thanh toán: Từ năm 2020, ACBS đã thực hiện chào bán các sản phẩm tài chính là Chứng quyền có bảo đảm và tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi chứng quyền đáo hạn theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 202 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ và Điểm g Khoản 1 Điều 202a được bổ sung bởi Khoản 72 Điều 1 Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ.

3. Tình hình tài chính

3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ đến hạn.

3.2. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn thực hiện nộp các khoản phải nộp theo luật định.

3.3. Tổng dư nợ vay

Thông tin về các khoản nợ quá hạn, tổng dư nợ bảo lãnh (nếu có), quá hạn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, nguyên nhân dẫn đến nợ quá hạn, khả năng thu hồi: Không có.

3.4. Tình hình công nợ hiện nay (tổng nợ phải thu, tổng nợ phải trả)

Tổng dư nợ vay và tình hình công nợ hiện nay:

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2025/2024	Lấy lệ đến Quý 2/2026
1	Tổng dư nợ vay	16.403.200	23.373.380	42%	23.936.940
2	Tổng nợ phải thu	9.604.261	18.999.797	98%	20.983.991
3	Tổng nợ phải trả	16.788.968	24.313.943	45%	24.325.257

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 của ACBS)

3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu (hợp nhất)	Năm 2024	Năm 2025	Giá trị
1	Chỉ tiêu về an toàn tài chính (triệu đồng)			
1.1	- Giá trị vốn khả dụng	8.800.225	9.637.458	



STT	Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
1.2	- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm)	1.558.550	1.435.262	
1.3	- Tỷ lệ vốn khả dụng (%): (Giá trị vốn khả dụng/Tổng rủi ro)	565%	671%	
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
2.1	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSNH/Nợ ngắn hạn)	1,54	1,59	
2.2	- Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	1,54	1,59	Không có hàng tồn kho
3	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)			
3.1	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản (TTS)	0,64	0,63	
3.2	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	1,81	1,70	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (lần)			
4.1	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,27	0,22	
4.2	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,07	
4.3	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03	0,03	
4.4	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,33	0,27	
4.5	- Thu nhập trên cổ phần (EPS)	N/A	N/A	(*)

(Nguồn: ACBS)

(*): ACBS hoạt động theo mô hình Công ty TNHH, nên không có chỉ tiêu EPS.

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CỔ BẢO ĐẢM

1. Thông tin chung về chứng quyền

1.1. Thông tin về chứng quyền phát hành

- Tên chứng quyền: Chứng quyền VNM/ACBS/7M/126.
- Tên (mã) chứng khoán cơ sở: VNM.



- Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam.
- Loại chứng quyền (mua): Chứng quyền Mua.
- Kiểu thực hiện: Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.
- Phương thức thực hiện chứng quyền: Chứng quyền được thanh toán bằng tiền.
- Thời hạn: **7 tháng**.
- Ngày phát hành (dự kiến): Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm.
- Ngày đáo hạn: Ngày tròn 07 tháng kể từ ngày phát hành.
- Tỷ lệ chuyển đổi: 7:1.
- Giá thực hiện: Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành. Giá thực hiện được thông báo cụ thể tại thông báo phát hành.
- Giá chào bán thấp nhất (dự kiến): **1.000** đồng/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố chính thức tại Thông báo phát hành.
- Giá chào bán cao nhất (dự kiến): **3.000** đồng/chứng quyền. Giá chào bán cụ thể sẽ được công bố chính thức tại Thông báo phát hành.
- Số lượng chứng quyền đăng ký chào bán: **15.000.000** chứng quyền.
- Tổng giá trị chứng quyền chào bán (dự kiến): **15.000.000.000** (mười lăm tỷ) đồng đến **45.000.000.000** (bốn mươi lăm tỷ) đồng.
- Tài sản bảo đảm thanh toán: Bằng tiền (VND), ký quỹ đảm bảo thanh toán tại Ngân hàng lưu ký.
- Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán dự kiến: 50% giá trị chứng quyền chào bán.
- Phương pháp tính giá: theo công thức Black Scholes như sau:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)Xe^{-r_cT}}{k}$$

Với:

$$d_1 = \frac{\ln(\frac{S}{X}) + (r_c + \frac{\sigma^2}{2})T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: Giá lý thuyết của chứng quyền mua.

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy.

Tham số	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do ACBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.



Tham số	Phương pháp tính
S: Giá CKCS hiện tại.	Là giá đóng cửa của CKCS tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm bảo cáo.
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
r_e : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm bảo cáo, cộng biên độ 2%
σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ $\times (1 + \text{hệ số điều chỉnh})$ Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất. - Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tình thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.
k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị CKCS.

1.2. Thông tin về các đợt phát hành chứng quyền cùng loại trước đó (đối với trường hợp chào bán bổ sung): Không có.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở và tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở

2.1. Thông tin về chứng khoán cơ sở

- Tên chứng khoán cơ sở: **Cổ phiếu CTCP Sữa Việt Nam**
- Thời điểm niêm yết lần đầu của chứng khoán cơ sở (VNM): 19/01/2006
- Chỉ số giá/thu nhập P/E (theo EPS 4 quý gần nhất và giá thời điểm 28/08/2026): 11,9 lần
- Mức vốn hóa (tại ngày 28/08/2026): 130.204 tỷ đồng
- Dao động bình quân của giá chứng khoán cơ sở (VNM) trong 6 tháng gần nhất (tính theo năm): 25%
- Tình thanh khoản, tình hình biến động giá trong năm 2025:
 - ✓ Khối lượng giao dịch bình quân trong năm: 4.330.543 cổ phiếu;
 - ✓ Giá giao dịch cao nhất trong năm (giá đã điều chỉnh): 62.940 đồng/cổ phiếu;
 - ✓ Giá giao dịch thấp nhất trong năm (giá đã điều chỉnh): 46.451 đồng/cổ phiếu;
 - ✓ Giá đóng cửa ngày giao dịch cuối năm (giá đã điều chỉnh): 59.260 đồng/cổ phiếu



- Giá đóng cửa (giá đã điều chỉnh) của chứng khoán cơ sở tại ngày giao dịch cuối các tháng trong vòng 12 tháng của năm gần nhất (đồng/cổ phiếu)

Tháng 1/2025	55.563
Tháng 2/2025	55.563
Tháng 3/2025	54.133
Tháng 4/2025	51.453
Tháng 5/2025	50.778
Tháng 6/2025	53.645
Tháng 7/2025	56.605
Tháng 8/2025	55.773
Tháng 9/2025	55.495
Tháng 10/2025	55.774
Tháng 11/2025	61.971
Tháng 12/2025	59.260

2.2. Thông tin về tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở:

- Tên tổ chức phát hành: CTCP Sữa Việt Nam
- Mã chứng khoán cơ sở: VNM
- Lĩnh vực hoạt động: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa
- Tình hình hoạt động kinh doanh:

Kết quả hoạt động kinh doanh 2024 – 2025 và Quý 2/2026 (Hợp nhất):

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm 2025/2024	Lũy kế đến Quý 2/2026
1	Tổng giá trị tài sản	55.049.062	53.312.371	-3,15%	57.451.804
2	Vốn chủ sở hữu	36.174.403	34.483.015	-4,68%	35.666.335
3	Doanh thu thuần	61.782.610	63.645.887	3,02%	34.996.005
4	Thuế và các khoản phải nộp	1.014.478	1.803.999	77,83%	1.064.444
5	Lợi nhuận trước thuế	11.399.654	11.649.985	0,43%	6.913.569
6	Lợi nhuận sau thuế	9.452.893	9.413.590	-0,42%	5.642.623



7	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	26,13%	27,30%		15,82%
---	--	--------	--------	--	--------

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 của VNM, dữ liệu doanh nghiệp FinPro-X và ACBS tính toán. Hệ số tài chính (7) được tính dựa trên số dư cuối kỳ.)

Các chỉ số tài chính của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở trong 2 năm gần nhất

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)		
1.1	- Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	2,03	1,96
1.2	- Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,73	1,59
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (lần)		
2.1	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,34	0,35
2.2	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,52	0,55
3	Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi (%)		
3.1	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	15,30%	14,79%
3.2	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	26,13%	27,30%
3.3	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	17,17%	17,66%
3.4	- Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	18,77%	18,32%
3.5	- Thu nhập (EPS) (đồng/cổ phiếu)	4.022	4.028

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2024, 2025 của VNM, dữ liệu doanh nghiệp FinPro-X và ACBS tính toán. Các hệ số tài chính (1,1 đến 3,4) được tính dựa trên số dư cuối kỳ.)

3. Thời gian phân phối chứng quyền

ACBS dự kiến phân phối chứng quyền ngay sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền cổ bảo đảm theo quy định.

Thời gian phân phối chứng quyền cho nhà đầu tư dự kiến thực hiện trong vòng **10 ngày làm việc** kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền cổ bảo đảm có hiệu lực; trong đó thời gian để nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu là **03 ngày**.

Lịch phân phối chứng quyền dự kiến như sau:



STT	Nội dung	Thời gian (Đợt 1-2011)	Ghi chú
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm	T	Ngày làm việc
2	Công bố thông tin về Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm được UBCKNN cấp	T → T+1	Trong vòng 24h kể từ ngày T
3	Công bố thông tin về đợt phát hành trên trang thông tin điện tử của Tổ chức phát hành và Sở giao dịch chứng khoán, bao gồm: - Thông báo phát hành chứng quyền - Bản cáo bạch chào bán chứng quyền	T+2 → T+3	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày T
4	Công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp.	T+2 → T+7	
5	Phân phối chứng quyền (trong đó thời gian nhà đầu tư đăng ký mua tối thiểu là 03 ngày)	T+3 → Tối đa T+7	
6	Báo cáo và công bố thông tin kết quả phân phối chứng quyền (trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc phân phối chứng quyền)	T+8 → T+9	Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày T+7

(*) Ghi chú:

- Thời gian phân phối cụ thể sẽ được công bố chính thức tại bản Thông báo phát hành.
- Tài sản bảo đảm thanh toán được ACBS ký quỹ tại ngân hàng lưu ký trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền và duy trì tối thiểu là 50% giá trị chứng quyền đã phát hành, không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết. Tài sản này không được dùng để cầm cố, thế chấp, làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay hoặc các nghĩa vụ tài chính khác của ACBS hay của bất cứ bên thứ ba khác.
- Việc phân phối chứng quyền chỉ được thực hiện sau khi ACBS bảo đảm người mua chứng quyền tiếp cận được Bản cáo bạch.

4. Đăng ký mua chứng quyền**Thời hạn đăng ký mua**

ACBS sẽ công bố chính thức thời gian nhận đăng ký mua trong Thông báo phát hành chứng quyền sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng quyền có bảo đảm. Thời gian để nhà đầu tư đăng ký mua đảm bảo tối thiểu là **03 ngày** và được dự kiến theo lịch như đã trình bày tại Mục 3 Phần VI trên đây.

Cách thức đăng ký



Nhà đầu tư thực hiện đăng ký mua thông qua kênh online:

- Tại web SMART.acbs.com.vn
- Qua ứng dụng ACBS SMART

Phương thức thanh toán

Khi đăng ký mua chứng quyền, nhà đầu tư đồng thời thực hiện nộp tiền mua chứng quyền vào tài khoản phong tỏa của Công ty theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB.**

- Số tài khoản: **8670126147** tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Cách thức xử lý khi chứng quyền chưa được phân phối hết

Trong trường hợp tổng số lượng chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua thấp hơn số lượng chứng quyền chào bán, tổ chức phát hành được chuyển số chứng quyền chưa phân phối hết vào tài khoản tự doanh của mình và tiếp tục phân phối thông qua hoạt động tạo lập thị trường trên hệ thống giao dịch của HOSE sau khi chứng quyền được niêm yết trên HOSE.

Cách thức xử lý khi số lượng chứng quyền đăng ký mua vượt số lượng chứng quyền chào bán

Trong trường hợp tổng số chứng quyền do các nhà đầu tư đăng ký mua vượt quá số lượng chứng quyền chào bán, số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ được xác định dựa trên nguyên tắc phân bổ theo tỷ lệ đăng ký mua của các nhà đầu tư, cụ thể như sau:

$$\text{Số lượng chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua} = \frac{\text{Số chứng quyền của từng nhà đầu tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số chứng quyền của các nhà đầu tư đăng ký mua}} \times \text{Tổng số chứng quyền chào bán}$$

Số lượng chứng quyền phân bổ cho từng nhà đầu tư sẽ được làm tròn xuống đến hàng trăm (100 chứng quyền), đồng thời tổng số lượng chứng quyền phân phối cho tất cả các nhà đầu tư không vượt quá tổng số lượng chứng quyền chào bán.

Trường hợp đối với số lượng chứng quyền còn dư phát sinh sau khi làm tròn xuống (nếu có), số chứng quyền này sẽ được phân bổ đều cho các nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất bằng nhau. Nếu sau khi phân bổ đều theo nguyên tắc trên vẫn phát sinh số chứng quyền còn dư, số chứng quyền còn lại này sẽ được phân bổ vào tài khoản tự doanh của ACBS.

5. Hủy bỏ chào bán chứng quyền có bảo đảm



Trong trường hợp đợt chào bán chứng khoán ra công chúng của Công ty bị hủy bỏ theo quy định tại Điều 28 Luật Chứng khoán 2019 và các quy định khác có liên quan (nếu có), Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc hủy bỏ đợt chào bán theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ, Công ty sẽ thực hiện thu hồi toàn bộ chứng khoán đã phát hành và hoàn trả đầy đủ số tiền nhà đầu tư đã thanh toán (không bao gồm lãi, nếu có), thông qua phương thức thanh toán đã được Công ty công bố trong đợt chào bán. Quá thời hạn nêu trên, Công ty có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo các cam kết đã công bố và theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Thực hiện chứng quyền

6.1. Chứng quyền khi đến ngày đáo hạn, việc thanh toán sẽ được thực hiện như sau (với giả định ngày T là ngày đăng ký cuối cùng, đồng thời là ngày đáo hạn và T được tính theo ngày làm việc):

- Ngày T - 7: VSDC lập và gửi cho HOSE, các Thành viên lưu ký Thông báo về việc chốt danh sách người sở hữu để thực hiện chứng quyền.
- Ngày T: ACBS gửi thông báo giá thanh toán chứng quyền cho VSDC.
- Ngày T + 1 (9h): VSDC lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng quyền lưu ký cho Thành viên Lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).
- Ngày T + 1 (11h): Thành viên lưu ký đối chiếu thông tin trong Danh sách do VSDC cung cấp và gửi cho VSDC thông báo xác nhận (dưới dạng chứng từ điện tử).

Trường hợp xác nhận có sai sót hoặc sai lệch số liệu, Thành viên lưu ký phải gửi thêm cho VSDC văn bản trong đó nêu rõ các thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSDC điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSDC sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh cho Thành viên lưu ký (dưới dạng chứng từ điện tử).

- Ngày T + 2: VSDC gửi cho ACBS Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền
- Ngày T + 3: ACBS gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng quyền cho VSDC. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, ACBS phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSDC nêu rõ lý do.

Trong ngày T + 3, ACBS chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSDC.

- Ngày T + 4: VSDC phân bổ tiền thanh toán cho người sở hữu chứng quyền lưu ký vào tài khoản của Thành viên lưu ký liên quan. Thành viên lưu ký chịu trách nhiệm phân bổ tiền



cho nhà đầu tư sở hữu chứng quyền trong ngày thanh toán (ngày $T + 5$).

- Ngày $T + 5$: là ngày thanh toán tiền. Tại ngày này, Thành viên lưu ký thực hiện phân bổ tiền thanh toán cho nhà đầu tư.

Lưu ý:

- Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền: Là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, bằng $[(\text{Giá thanh toán} - \text{Giá thực hiện}) / \text{Tỷ lệ chuyển đổi}]$.
- Giá thanh toán chứng quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn
- Trường hợp giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán trong 05 ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở vào những ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được điều chỉnh tương ứng. Phương pháp tính toán và quy tắc làm tròn đối với các mức giá đóng cửa điều chỉnh này được áp dụng tương tự tại ngày giao dịch không hưởng quyền. Tổ chức phát hành xác định mức giá thanh toán làm căn cứ tính số tiền thanh toán và công bố mức giá này đối với các chứng quyền đang lưu hành vào ngày đáo hạn.

Ví dụ:

Chứng quyền VIB/ACBS/CaI/EU/Cash/10M/48 (HSX: CVIB2306) có:

- Ngày giao dịch cuối cùng: 21/08/2024
- Ngày đáo hạn: 23/08/2024.
- Giá thanh toán chứng quyền là bình quân giá đóng cửa trong 05 (năm) ngày giao dịch cuối cùng của chứng khoán cơ sở (cổ phiếu VIB) trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn. Trường hợp này, giá đóng cửa cổ phiếu VIB được xác định tại trong 05 (năm) ngày: 16/08/2024, 19/08/2024, 20/08/2024, 21/08/2024, 22/08/2024.

Trong 05 (năm) ngày tính giá bình quân, VIB phát sinh sự kiện giao dịch không hưởng quyền dẫn tới giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh.

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông báo (số 1453/TB-SGDHCM) về ngày đăng ký cuối cùng như sau:

- Tổ chức niêm yết: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
- Mã chứng khoán: VIB
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông



- Mệnh giá: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)
- Ngày giao dịch không hưởng quyền: 22/8/2024
- Ngày đăng ký cuối cùng: 23/8/2024
- Lý do và mục đích: Nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ thêm 4.312.572.810.000 đồng
- Tỷ lệ thực hiện: 100:17

Như vậy, giá thanh toán chứng quyền CVIB2306 được tính như sau:

Ngày	Giá đóng cửa VIB, chưa điều chỉnh	Giá đóng cửa VIB điều chỉnh, chưa làm tròn số	Giá đóng cửa VIB điều chỉnh, đã làm tròn số
22/08/2024 (Ngày GDKHQ của VIB)	18,400	18,400,0	18,400
21/08/2024	21,350	$[21,350 / (1 + 17\%)] = 18,247,9$	18,250
20/08/2024	21,400	$[21,400 / (1 + 17\%)] = 18,290,6$	18,300
19/08/2024	21,500	$[21,500 / (1 + 17\%)] = 18,376,1$	18,400
16/08/2024	21,150	$[21,150 / (1 + 17\%)] = 18,076,9$	18,100
Giá thanh toán chứng quyền CVIB2306		$[18,400 + 18,250 + 18,300 + 18,400 + 18,100] / 5 = 18,290$	

- Số tiền thanh toán ròng: là số tiền thanh toán sau khi đã giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (thuế thu nhập cá nhân và các chi phí khác, nếu có).
- Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

6.2. Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán:

Trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, thì việc thanh toán cho nhà đầu tư được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Thông tư 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm. Tài sản dùng để thanh toán cho nhà đầu tư, bao gồm từ các nguồn sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
- Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có);

Nếu trường hợp, Tổ chức phát hành vẫn không đủ tài sản để thanh toán cho nhà đầu tư, thì



sẽ giải quyết theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

7. Quyền của người sở hữu chứng quyền

- Quyền của người sở hữu chứng quyền mua: người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện.
- Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán, phá sản, giải thể: việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.
- Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết; hoặc không thể xác định được chi số chứng khoán vì các nguyên nhân bất khả kháng đã được quy định rõ tại bộ nguyên tắc về xác định chi số; hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư, thì cách tính giá thanh toán chứng quyền cho người sở hữu chứng quyền kể từ ngày hủy niêm yết có hiệu lực được áp dụng theo công thức Black Scholes nêu tại mục 1.1, phần V của Bản cáo bạch này.

8. Điều chỉnh chứng quyền

- Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới...
- Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:
 - ✓ Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
 - ✓ Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
 - ✓ Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu đã điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/ Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).



- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của HOSE, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh phù hợp theo quy định.

9. Các khoản phí, lệ phí, thuế phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

- **Phí giao dịch:** Áp dụng khi nhà đầu tư đặt lệnh mua hoặc bán chứng quyền. Mức phí áp dụng theo quy định tại công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng quyền.
- **Thuế:** khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền, nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn và thực hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi, mức thuế suất áp dụng là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần.

Lưu ý: trong một số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ về cách tính thuế:

- ✓ **Trường hợp 1:** Áp dụng khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần).

Ví dụ 1: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua có tài sản cơ sở là MWG với giá 2.000 VNĐ/chứng quyền, tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, giá thực hiện là 30.000 VNĐ. Nếu nhà đầu tư bán 100 chứng quyền này tại mức giá 3.000 VNĐ/chứng quyền, số thuế phải nộp là: $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300 \text{ VNĐ}$.

- ✓ **Trường hợp 2:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền và chứng quyền này bị hủy niêm yết trước ngày đáo hạn (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là:
 - Giá mua lại theo mức giá thị trường của Tổ chức phát hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường x Số lượng chứng quyền (trước ngày hủy niêm yết có hiệu lực); hoặc;
 - Giá thanh toán chứng quyền do Tổ chức phát hành công bố x Số lượng chứng quyền (sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực).

Ví dụ 2: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu chứng quyền bị hủy niêm yết và Tổ chức phát hành công bố giá thanh toán chứng quyền là 3.000 VNĐ/chứng quyền thì số thuế nhà đầu tư phải nộp cho 100 chứng quyền mình sở hữu là: $3.000 \times 100 \times 0,1\% = 300 \text{ VNĐ}$.

- ✓ **Trường hợp 3:** Áp dụng khi nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền đến khi đáo hạn, và thực



hiện chứng quyền đối với chứng quyền có lãi (mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền tăng dần). Trong đó, Giá chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm tăng dần bằng giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân (x) Số lượng chứng quyền chia (÷) cho Tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ 3: Tương ứng các giả thiết tại ví dụ 1, nếu giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 30.000 VNĐ/cổ phiếu thì số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: $30.000 \times 100 \times 0,1\% = 3.000 \text{ VNĐ}$

✓ **Trường hợp 4:** trong mỗi số trường hợp, số tiền thuế phải nộp có thể cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư nhận được từ tổ chức phát hành, phụ thuộc vào tương quan giữa giá thanh toán của chứng khoán cơ sở và tỷ lệ chuyển đổi.

Ví dụ 4: Nhà đầu tư mua 100 chứng quyền mua cổ tài sản cơ sở là MWG với tỷ lệ chuyển đổi là 1:1, giá thực hiện là 100.000 VNĐ.

Nếu nhà đầu tư giữ chứng quyền đến ngày đáo hạn và giá thanh toán của chứng khoán cơ sở do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố tại thời điểm thực hiện quyền là 100.100 VNĐ/cổ phiếu. Khi đó, chứng quyền này sẽ đáo hạn trong trạng thái có lãi và nhà đầu tư nhận được khoản tiền thanh toán từ tổ chức phát hành là: $(100.100 - 100.000) \times 100 = 10.000 \text{ VNĐ}$.

Số thuế nhà đầu tư phải nộp khi thực hiện quyền cho 100 chứng quyền đang sở hữu là: $100.100 \times 100 \times 0,1\% = 10.010 \text{ VNĐ}$.

Như vậy, trong trường hợp này, số tiền thuế phải nộp của nhà đầu tư cao hơn số tiền thanh toán mà nhà đầu tư được nhận là $(10.010 - 10.000) = 10 \text{ VNĐ}$.

- **Phí thực hiện quyền:** nhà đầu tư phải trả phí cho VSDC theo quy định.
- **Phí lưu ký, chuyển khoản:** Áp dụng theo quy định của VSDC.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

ACBS phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng năm (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- ✓ Chỉ có lệnh bên mua hoặc lệnh bên bán chứng quyền.
- ✓ Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền.
- ✓ Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của giá (giá chào bán thấp nhất – giá chào mua cao nhất)/ giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường ACBS phải tuân thủ:



- ✓ Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền.
- ✓ Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn.
- ✓ Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch 3%
- ✓ Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, ACBS phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán)
- ✓ Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

Trong các trường hợp sau, ACBS không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- ✓ Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa (ATO), năm (05) phút đầu sau khi kết thúc ATO và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa (ATC).
- ✓ Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch.
- ✓ Giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của ACBS nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng.
- ✓ Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu (100 chứng quyền) ACBS được miễn đặt lệnh bán.
- ✓ Chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp ACBS chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), ACBS được miễn đặt lệnh mua.
- ✓ Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, ACBS được miễn đặt lệnh bán.
- ✓ Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), ACBS được miễn đặt lệnh bán hoặc giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), ACBS được miễn đặt lệnh mua.
- ✓ Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), ACBS được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua và được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền bán.
- ✓ Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), ACBS được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền mua.
- ✓ Chứng quyền đang ở trạng thái cô lập từ 30% trở lên (tức là chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% giá thực hiện), ACBS được miễn đặt lệnh bán.
- ✓ Trong 14 ngày trước khi chứng quyền đáo hạn.
- ✓ Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, ...
- ✓ Các trường hợp khác được SGDCK áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của UBCKNN.
- ✓ SGDCK sẽ thực hiện giám sát việc yết giá tạo lập thị trường của ACBS và yêu cầu ACBS

*giải trình nếu cần.***VII. PHƯƠNG ÁN BẢO ĐẢM THANH TOÁN CHO NGƯỜI SỞ HỮU CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**

1. Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:
 - a. Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
 - b. Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;
 - c. Bảo lãnh thanh toán hoặc tài sản khác (nếu có).
2. Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

VIII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM**1. Quy trình quản trị rủi ro****1.1. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc theo dõi quản trị rủi ro, bao gồm vai trò của các Phòng ban liên quan****🔹 Hội đồng thành viên ACBS**

- Phê chuẩn các hoạt động phát hành chứng quyền của ACBS trong hạn mức được quy định tại ACBS.
- Phê chuẩn nguồn vốn phân bổ cho toàn bộ hoạt động phát hành chứng quyền theo quy định của UBCKNN và pháp luật.
- Phê chuẩn các kịch bản cho hoạt động phòng ngừa rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền, bao gồm cả không giới hạn trong việc quyết định các hạn mức quy mô, hạn mức tổn thất tối đa, lợi nhuận kỳ vọng, vị thế phòng ngừa rủi ro, phù hợp với hạn mức đầu tư và khẩu vị rủi ro trong hoạt động đầu tư đã được phê duyệt bởi Hội đồng thành viên ACBS (nếu có).
- Phê duyệt và ban hành Quy trình quản trị rủi ro và các Quy trình nội bộ có liên quan.

🔹 Tổng Giám đốc ACBS

- Chịu trách nhiệm về việc triển khai các phê chuẩn của Hội đồng thành viên ACBS.
- Thực hiện theo phân quyền hạn mức phân quyết của Hội đồng thành viên ACBS.



- Đảm bảo Quy trình được thiết lập và tổ chức đầy đủ, rõ ràng.

➤ Phòng Quản lý rủi ro:

- Đề xuất các hạn mức quy mô và hạn mức ngân lỗ cho các hoạt động phòng ngừa rủi ro theo quy định nội bộ và quy định pháp luật.
- Theo dõi và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền, các rủi ro về thị trường, các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi của ACBS.
- Đưa ra các đề xuất hoặc cảnh báo khi hoạt động phòng ngừa rủi ro cho hoạt động phát hành chứng quyền chạm các hạn mức hoặc giới hạn nội bộ và quy định pháp luật.

➤ Phòng Thị trường Phái sinh

Theo dõi, tuân thủ và cảnh báo các rủi ro về giới hạn hoạt động phòng ngừa rủi ro cho việc phát hành chứng quyền, rủi ro về thị trường, các biến động khác làm ảnh hưởng đến nguồn vốn, quyền lợi của ACBS. Đồng thời, báo cáo ngay các nội dung này cho Cấp có thẩm quyền để xem xét và có hướng xử lý.

➤ Phòng Pháp chế:

Kiểm tra tính tuân thủ pháp luật của các nội dung trong Quy trình quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động phát hành chứng quyền của ACBS.

➤ Phòng Kiểm soát nội bộ:

Giám sát thực hiện các quy định và quy trình về quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo các hoạt động này được thực hiện một cách cẩn trọng, đúng trình tự, đồng thời tuân thủ các quy định nội bộ và pháp luật hiện hành.

1.2. Quy trình quản trị rủi ro

ACBS thực hiện quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh sản phẩm chứng quyền theo các bước, trình tự như sau:

➤ Bước 1: Nhận diện các rủi ro có thể phát sinh từ hoạt động kinh doanh chứng quyền

Trong hoạt động phát hành chứng quyền ACBS có thể gặp phải các rủi ro chính như sau:

- Rủi ro thanh toán:** Rủi ro phát sinh khi ACBS không thể thực hiện được một phần hoặc toàn bộ các nghĩa vụ đã cam kết đối với nhà đầu tư. Ví dụ: ACBS bị mất khả năng thanh toán khi nhà đầu tư thực hiện quyền do không có đủ cổ phiếu hoặc tiền.
- Rủi ro thị trường:**



- Rủi ro phát sinh do các biến động kinh tế vĩ mô và vĩ mô tác động tiêu cực đến một hoặc một số ngành nghề, đối tượng doanh nghiệp nhất định, từ đó gây nên tâm lý hoảng loạn và hoạt động bán tháo chứng quyền hoặc tài sản cơ sở.
- Rủi ro phát sinh do các biến động xuất phát từ các yếu tố chính trị - xã hội trong và ngoài nước dẫn đến hoạt động bán tháo chứng quyền hoặc tài sản cơ sở trên diện rộng;
- Rủi ro phát sinh do các hoạt động thao túng giá và thanh khoản trên thị trường mà ACBS chưa thể hoặc không thể nhận diện được.

c. Rủi ro pháp lý:

- Rủi ro phát sinh do chính sách kinh doanh của ACBS không tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành;
- Rủi ro phát sinh do các phòng ban, nghiệp vụ, nhân viên ACBS thực hiện công việc không tuân thủ với quy định của pháp luật hiện hành.
- Rủi ro phát sinh do các quy định pháp lý liên quan thay đổi mang tính bất lợi hoặc ACBS khó xử lý nhanh dẫn đến chưa đáp ứng hoàn toàn các thay đổi theo quy định của pháp luật.
- Rủi ro phát sinh do các điều khoản trong hợp đồng kinh tế chưa rõ ràng dẫn đến khách hàng khiếu kiện hoặc ACBS không thể khiếu kiện khách hàng hoặc khả năng thắng kiện thấp.
- Rủi ro pháp lý phát sinh dẫn đến ACBS bị phạt, cảnh cáo, tạm ngừng hoạt động hoặc bị rút giấy phép nghiệp vụ kinh doanh chứng quyền.

d. Rủi ro hoạt động:

- Rủi ro phát sinh do ACBS chưa hoàn thiện/cập nhật quy trình vận hành hiện tại.
- Rủi ro phát sinh do con người hoặc do hệ thống giao dịch dẫn tới khách hàng có thể thực hiện các giao dịch không đúng quy định tại ACBS.
- Rủi ro phát sinh do con người hoặc do hệ thống giao dịch dẫn tới tính toán tỷ lệ/giá trị hedging bị lỗi/bị sai dẫn đến mua bán chứng khoán cơ sở/chứng quyền nhiều hơn trạng thái trung hòa rủi ro.
- Rủi ro phát sinh do nhân viên vô tình hoặc cố tình không tuân thủ các quy trình hướng dẫn tại các bộ phận nghiệp vụ.
- Rủi ro phát sinh do các yếu tố khách quan bên ngoài như thiên tai, chiến tranh, dịch



bệnh, ...

- e. **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro phát sinh khi ACBS không thể thực hiện được hoặc thực hiện với phí cao hơn cho giao dịch mua/bán để đạt được trạng thái trung hòa rủi ro do cổ phiếu không có hoặc có thanh khoản thấp.

➤ **Bước 2: Phân tích rủi ro**

- a. **Rủi ro thanh toán:** Với quy mô của ACBS cũng như lịch sử về việc quản trị nguồn tiền và tài sản thì mức độ xảy ra rủi ro này tại ACBS là thấp, bên cạnh đó ACBS cũng thực hiện hoạt động hedging theo quy định để đảm bảo cổ phiếu thanh toán cho khách hàng khi đến ngày thực hiện quyền.
- b. **Rủi ro thị trường:** Đây là rủi ro lớn nhất và có khả năng xảy ra cao nhất đồng thời là rủi ro khó phòng ngừa nhất trong hoạt động kinh doanh và phát hành chứng quyền có đảm bảo; khi rủi ro phát sinh cũng gây thiệt hại lớn trong hoạt động kinh doanh của ACBS.
- c. **Rủi ro pháp lý:** Có thể xảy ra nếu ACBS vô tình không thực hiện đúng một hoạt động nào đó do thiếu ý kiến tư vấn từ bộ phận Luật, hoặc do chưa kịp cập nhật các thay đổi trong quy định chính sách.
- d. **Rủi ro hoạt động:** Rủi ro xảy ra các lỗi liên quan đến hệ thống phần mềm là có thể xảy ra, bên cạnh đó là các rủi ro liên quan đến nhân viên làm sai quy trình cũng có thể xảy ra.
- e. **Rủi ro thanh khoản:** Trong điều kiện thị trường bình thường với các cổ phiếu lớn thì rủi ro này thấp. Tuy nhiên vẫn có thể xảy ra rủi ro thanh khoản do có các thông tin tốt/xấu đột biến của doanh nghiệp, hoặc các thông tin có tác động tiêu cực tới toàn thị trường.

➤ **Bước 3: Kiểm soát rủi ro**

Dựa trên việc đánh giá các rủi ro trọng yếu có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh chứng quyền tại ACBS, công ty xây dựng biện pháp kiểm soát rủi ro cụ thể cho từng loại rủi ro như sau :

a. **Rủi ro thanh toán:**

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro:

- ✓ Duy trì hệ số phòng ngừa rủi ro trung hòa theo một tỷ lệ nhất định nhưng không thấp hơn yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- ✓ Bên cạnh đó ACBS luôn có các tài sản dự phòng để đảm bảo khả năng thanh toán khi đến hạn.

- Cách thực hiện:



- ✓ Thực hiện giao dịch mua/bán hàng ngày tài sản cơ sở hoặc chứng quyền để đảm bảo tỷ lệ hedging theo mức trung hòa rủi ro;
- ✓ Đánh giá rủi ro thanh khoản chung của ACBS bao gồm cả nghĩa vụ thanh toán dự kiến nếu có từ các chứng quyền đáo hạn.
- Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, phần mềm excel, hệ thống BI, các báo cáo giám sát.

b. Rủi ro thanh khoản

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: đảm bảo chi phí giao dịch phòng ngừa rủi ro ở mức thấp nhất.
- Cách thực hiện: Luôn giao dịch để đảm bảo một tỷ lệ trung hòa rủi ro theo quy định, chỉ phát hành chứng quyền với các cổ phiếu lớn và có thanh khoản ổn định. Bên cạnh đó là quy định khối lượng cổ phiếu hoặc tài sản cơ sở tối đa bắt buộc phải thực hiện giao dịch mua/bán để hạn chế rủi ro thanh khoản.
- Cơ sở vật chất thực hiện: Hệ thống phần mềm giao dịch, các báo cáo giám sát.

c. Rủi ro hoạt động

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: giảm thiểu tối đa xảy ra các sự kiện rủi ro hoạt động.
- Cách thực hiện:
 - ✓ Các bộ phận kinh doanh xây dựng đầy đủ các quy trình hoạt động liên quan đến kinh doanh chứng quyền có đảm bảo.
 - ✓ Thực hiện đào tạo đầy đủ cho các nhân sự liên quan về sản phẩm, quy trình để đảm bảo các quy trình được thực hiện đúng và đủ.
 - ✓ Tiến hành đào tạo nâng cao nhận thức về rủi ro và phòng ngừa rủi ro cho toàn bộ nhân sự nhằm hạn chế các gian lận có thể xảy ra.
 - ✓ Kiểm thử đầy đủ các hệ thống phần mềm giao dịch và hỗ trợ trước khi đưa vào sử dụng. Bên cạnh đó là luôn ghi nhận các phản hồi của khách hàng hoặc nhân viên ACBS để có điều chỉnh nếu cần.
 - ✓ Có sự hỗ trợ, kiểm tra giám sát từ bộ phận quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ.
- Công cụ thực hiện:
 - ✓ Các quy trình làm việc.
 - ✓ Các tài liệu hướng dẫn và đào tạo.

**d. Rủi ro pháp lý**

- Nguyên tắc phòng ngừa rủi ro: Tuân thủ các quy định pháp lý liên quan.
- Cách thực hiện:
 - ✓ *Bộ phận luật thực hiện rà soát các quy trình, hoặc các chính sách sản phẩm trước khi được ban hành và đưa vào sử dụng,*
 - ✓ *Bộ phận luật cập nhật thường xuyên các thay đổi trong văn bản pháp luật để có thể hiệu chỉnh kịp thời các hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng nếu cần,*
 - ✓ *Đào tạo nâng cao nhận thức cho nhân viên của ACBS về các rủi ro pháp lý nếu làm sai quy định.*
- Công cụ thực hiện: Các văn bản pháp luật, các chính sách, quy trình của ACBS.

➤ Bước 4: Giám sát rủi ro

- Hoạt động quản trị rủi ro được giám sát hàng ngày hoặc định kỳ thông qua các báo cáo giám sát cụ thể theo quy định của UBCKNN, HOSE và của ACBS. Giám sát rủi ro cho hoạt động hedging được thực hiện theo quy trình của hoạt động hedging.
- Định kỳ thực hiện phân tích, đánh giá các rủi ro đã xảy ra để xác định các khu vực tiềm ẩn nhiều rủi ro và có biện pháp xử lý, hạn chế rủi ro thích hợp.

1.3. Sự kiểm soát giao dịch, hạn mức tín dụng và ký quỹ (theo đặc thù của tổ chức phát hành)**➤ Kiểm soát giao dịch**

- Đối với giao dịch của khách hàng: lệnh chỉ vào hệ thống khi bên mua đủ tiền thanh toán và bên bán phải có chứng khoán sẵn sàng để bán.
- Đối với giao dịch của tự doanh: các hạn mức đầu tư của nghiệp vụ tự doanh được Hội đồng Đầu tư phê duyệt. Giao dịch của tự doanh hoàn toàn tách biệt với giao dịch của khách hàng.

➤ Hạn mức ký quỹ: Thực hiện theo Quyết định 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của UBCKNN về việc hướng dẫn cho vay giao dịch ký quỹ đối với công ty chứng khoán:

- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 200% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ của công ty chứng khoán đối với một khách hàng không được vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.
- Tổng dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán đối với một loại chứng khoán không được vượt quá 10% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán.



- Tổng số chứng khoán cho vay giao dịch ký quỹ của một công ty chứng khoán không được vượt quá 5% tổng số chứng khoán niêm yết của một tổ chức niêm yết.

1.4. Tổ chức đánh giá tín dụng: Không có**2. Phương án phòng ngừa rủi ro****2.1. Mục đích phòng ngừa rủi ro**

Để đảm bảo khả năng thanh toán cho người sở hữu chứng quyền, hạn chế một cách hiệu quả những tổn thất do rủi ro gây ra đối với ACBS và người sở hữu chứng quyền.

2.2. Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro**Ban điều hành có trách nhiệm:**

- Chỉ đạo xây dựng chiến lược, chính sách và quy trình quản trị rủi ro chứng quyền.
- Phân công trách nhiệm và giám sát việc thực hiện quy trình quản trị rủi ro đã được cấp có thẩm quyền ban hành.
- Theo dõi kết quả thực hiện và chịu trách nhiệm trước cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro.

Bộ phận Kiểm soát nội bộ (thuộc Phòng Kiểm soát nội bộ) có trách nhiệm:

- Kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng thành viên và các văn bản liên quan.
- Kiểm tra và giám sát hoạt động phát hành và phòng ngừa rủi ro theo đúng quy định, quy trình và chính sách của công ty.
- Giám sát và đánh giá các xung đột lợi ích nếu có.

Bộ phận Quản lý Rủi ro (thuộc Phòng Quản lý Rủi ro) có trách nhiệm:

- Theo dõi, giám sát hoạt động phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp tham gia phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- Cảnh báo Ban điều hành về các hạn mức của ACBS, của Sở Giao dịch Chứng khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước liên quan đến phát hành và phòng ngừa rủi ro chứng quyền.
- Tham mưu cho Ban điều hành các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa và xử lý rủi ro.
- Đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của ACBS và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.

Phòng Thị trường Phái sinh có trách nhiệm:

- Trực tiếp tham gia vào quy trình phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền.



- Thực hiện các hoạt động mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, thực hiện báo cáo về chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và lý thuyết hằng ngày theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp với Phòng Quản lý Rủi ro để quản trị và kiểm soát rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Thông tin về các nhân sự tại bộ phận trực tiếp thực hiện hoạt động phòng ngừa rủi ro chứng quyền

Ông Huỳnh Minh Tuấn – Giám đốc Phòng Thị trường Phái sinh.

Trình độ chuyên môn: Chứng chỉ phân tích tài chính bậc 3 (CFA Level 3), Chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Kinh nghiệm: Có 8 năm làm việc trong lĩnh vực phân tích và đầu tư chứng khoán.

2.3. Nguyên tắc thực hiện tổng quát

ACBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, ACBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của ACBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

a. Chứng khoán phòng ngừa rủi ro

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.

b. Vị thế phòng ngừa rủi ro

Cách tính hệ số phòng ngừa rủi ro

- Hệ số phòng ngừa rủi ro được ACBS áp dụng là hệ số Delta.
- Delta: Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.
- Delta được tính toán dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$\text{Delta}_{\text{CALL}} = N(d_1)$$

Trong đó:

- $\text{Delta}_{\text{CALL}}$: Giá trị delta của chứng quyền mua;
- $N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes như sau:

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$



Các tham số đầu vào trong công thức trên được xác định như sau:

Thuật ngữ	Phương pháp tính
X: Giá thực hiện của chứng quyền.	Do ACBS ấn định tùy thuộc vào điều kiện thị trường tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng.
S: Giá chứng khoán cơ sở hiện tại.	Là giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm bảo cáo.
T: Thời gian còn lại đến khi đáo hạn (tính theo năm)	Là số ngày kể từ ngày tính toán đến ngày đáo hạn chứng quyền/365.
r_c : Lãi suất phi rủi ro (tính theo năm).	Bình quân lãi suất tiết kiệm 12 tháng của 4 ngân hàng Vietcombank, Vietinbank, BIDV và Agribank tại thời điểm ACBS được chính thức cấp phép chào bán lần đầu chứng quyền ra công chúng hoặc tại thời điểm tính toán làm bảo cáo, cộng biên độ 2%.
σ : Độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở (tính theo năm).	Độ biến động giá kỳ vọng = độ biến động giá quá khứ $\times (1 + \text{hệ số điều chỉnh})$ Trong đó: - Độ biến động giá quá khứ của chứng khoán cơ sở được xác định trong thời gian 12 tháng gần nhất. - Hệ số điều chỉnh được xác định dựa trên nhu cầu thị trường về chứng quyền và chứng khoán cơ sở, tính thanh khoản của chứng quyền và của chứng khoán cơ sở và độ biến động giá kỳ vọng của các chứng quyền tương tự.
k: Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền	Là số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết

- ACBS xác định vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết dựa trên công thức Black Scholes như sau:

$$P = \text{Delta} \times \text{OI} / k$$

Trong đó:

- P: Số lượng chứng khoán cơ sở do ACBS dự kiến nắm giữ để phòng ngừa rủi ro



cho chứng quyền:

- **OI:** Xác định vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết. $OI = \text{Số lượng chứng quyền đang lưu hành} + \text{Số lượng chứng quyền đã bán từ tài khoản tự doanh nhưng chưa được VSDC thực hiện bút toán ghi sổ vào tài khoản NĐT - Chứng quyền chờ về tài khoản tự doanh của TCPH}$.
- **k:** Tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền.
- **Delta:** Hệ số phòng ngừa rủi ro delta, là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở, được tính dựa trên công thức $\Delta \text{CALL} = N(d1)$.

Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế

- Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền được xác định như sau:

$$\Delta p_i \% = (P_i - p_i) / P_i \times 100 \%$$

Trong đó:

- $\Delta pT \%$: Độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T.
- PT : Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết trong ngày T của chứng quyền.
- pT : Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế trong ngày T của chứng quyền.
- $P, TTPS$ ACBS thực hiện phòng ngừa rủi ro để đảm bảo độ chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế tại cuối ngày giao dịch không vượt quá 20%.
- Để hạn chế rủi ro, $P, TTPS$ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc quy định trong Chính sách Đầu tư và phê duyệt của Hội đồng Đầu tư liên quan đến hạn mức phòng ngừa rủi ro từng thời kỳ. Các trường hợp vượt hạn mức nêu trên phải có sự phê duyệt của TGD hoặc Cấp có thẩm quyền.
- Vị thế phòng ngừa rủi ro phải được ACBS quản lý theo từng chứng quyền.

c. Phương án phòng ngừa rủi ro

- ACBS áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, ACBS sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế phòng ngừa rủi ro của ACBS không thấp hơn tỷ lệ phòng ngừa rủi ro tối thiểu theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

d. Ví dụ minh họa



- Giá sử ACBS phát hành chứng quyền có bảo đảm với các thông số đầu vào mô tả như bên dưới:
 - Tài sản cơ sở: ABC (mã chứng khoán cơ sở giả định).
 - Ngày phát hành: 15/10/2020.
 - Ngày niêm yết 22/10/2020.
 - Ngày đáo hạn: 15/01/2021.
 - Hệ số chuyển đổi: 1:1.
 - Lãi suất: 7%.
 - Độ biến động giả kỳ vọng: 36%.
 - Giá thực hiện: 24.000.
- ACBS thực hiện mua vào, bán ra cổ phiếu ABC khi giá cổ phiếu ABC thay đổi như sau:

Ngày	Giá cổ phiếu ABC	Delta	Số lượng chứng quyền đang lưu hành	Vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết	Vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế	Thay đổi lượng cổ phiếu ABC
21/10/2020	24.000	0.57	1.000.000	570.000	700.000	0
22/10/2020	25.000	0.66	900.000	594.000	700.000	0
23/10/2020	23.500	0.53	900.000	477.000	700.000	0
26/10/2020	24.500	0.62	950.000	589.000	700.000	0
27/10/2020	26.000	0.74	1.000.000	740.000	900.000	+ 200.000
28/10/2020	25.000	0.66	1.000.000	660.000	800.000	-100.000

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền:

ACBS đã phát hành chứng quyền với các thông số như sau:

✦ Các chứng quyền có bảo đảm đang lưu hành và niêm yết trên HOSE

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Giá niêm yết quyền mua vào
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/87	CHPG2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	2,6778:1	25.885 đồng	19.000.000
2	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/	CMBB2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	2,4028:1	21.626 đồng	19.000.000



STT	Tên chứng quyền	Số chứng quyền	Loại	Tên gọi	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá mua (đồng)	Giá bán (đồng)
	EU/Cash/10M/88								
3	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/89	CMWG2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	6,8926:1	83,696 đồng	19.000.000
4	Chứng quyền STB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/90	CSTB2604	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	5:1	60.000 đồng	19.000.000
5	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/10M/91	CTCB2601	Mua	10 tháng	26/12/2025	26/10/2026	3,9176:1	36,238 đồng	19.000.000
6	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU /Cash/10M/93	CFPT2610	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	11,8370:1	83,845 đồng	19.000.000
7	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/E U/Cash/10M/94	CMSN2609	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	8:1	85.000 đồng	11.000.000
8	Chứng quyền TPB/ACBS/Call/E U/Cash/10M/95	CTPB2605	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	2:1	18.000 đồng	11.000.000
9	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/E U/Cash/10M/96	CVHM2609	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	4,3334:1	62,593 đồng	11.000.000
10	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU /Cash/10M/97	CVIB2604	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,8963:1	17,540 đồng	15.000.000
11	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/E U/Cash/10M/98	CVNM2605	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	5,8148:1	62,993 đồng	11.000.000
12	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/E U/Cash/10M/99	CVPB2608	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	1,9651:1	29,476 đồng	15.000.000
13	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/E U/Cash/10M/100	CVRE2603	Mua	10 tháng	15/04/2026	15/02/2027	2,8973:1	29,938 đồng	11.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
14	Chứng quyền HPG/ACBS/8M/10 2 Thời hạn 8 tháng	CHPG2625	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	2:1	25.000 đồng	18.000.000
15	Chứng quyền MBB/ACBS/8M/10 3 Thời hạn 8 tháng	CMBB2614	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	1,6019:1	20.825 đồng	18.000.000
16	Chứng quyền MWG/ACBS/8M/10 04 Thời hạn 8 tháng	CMWG2616	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	6,8926:1	80.742 đồng	18.000.000
17	Chứng quyền STB/ACBS/8M/105 Thời hạn 8 tháng	CSTB2619	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	5:1	79.000 đồng	18.000.000
18	Chứng quyền TCB/ACBS/8M/10 6 Thời hạn 8 tháng	CTCB2611	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	3:1	34.000 đồng	18.000.000
19	Chứng quyền VPB/ACBS/8M/10 7 Thời hạn 8 tháng	CVPB2615	Mua	08 tháng	17/06/2026	17/02/2027	2:1	28.500 đồng	18.000.000

🔹 Các chứng quyền cổ bảo đảm đã đáo hạn

STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
1	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/3M/01	CHPG2023	Mua	3 tháng	12/10/2020	12/01/2021	1:1	28.500 đồng	2.000.000
2	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/6M/02	CHPG2102	Mua	6 tháng	05/01/2021	05/07/2021	0,7352:1	30.144 đồng	4.000.000
3	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/ EU/Cash/9M/05	CTCB2101	Mua	9 tháng	05/01/2021	05/10/2021	1:1	31.000 đồng	2.000.000
4	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/ EU/Cash/4M/05	CHPG2110	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	5:1	44.000 đồng	10.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Hạng	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Giá trị quyền
5	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/4M/07	CVNM2108	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8301:1	78.641 đồng	5.000.000
6	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/4M/10	CFPT2104	Mua	4 tháng	04/08/2021	06/12/2021	9,8947:1	79.158 đồng	7.000.000
7	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/04	CMWG2104	Mua	12 tháng	22/03/2021	22/03/2022	6,6444:1	89.699 đồng	5.000.000
8	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/06	CTCB2105	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	45.000 đồng	15.000.000
9	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/9M/08	CVRE2105	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	5:1	30.000 đồng	10.000.000
10	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/9M/09	CMSN2104	Mua	9 tháng	04/08/2021	04/05/2022	8,3261:1	98.248 đồng	5.000.000
11	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/9M/11	CVHM2115	Mua	9 tháng	17/11/2021	17/08/2022	9,7163:1	91.333 đồng	15.000.000
12	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/12	CHPG2208	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	3,7823:1	30.258 đồng	10.000.000
13	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/6M/13	CTCB2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	45.000 đồng	5.000.000
14	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/6M/14	CMSN2202	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	8,2758:1	126.620 đồng	5.000.000
15	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/6M/15	CMWG2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	4,9711:1	72.080 đồng	5.000.000
16	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/6M/16	CVNM2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	9,6717:1	70.603 đồng	5.000.000
17	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/6M/17	CVRE2204	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	5:1	33.000 đồng	5.000.000



SPT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày mua	Ngày bán	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá mua	Giá chào bán
18	Chứng quyền VIC/ACBS/Call/EU/Cash/6M/18	CVIC2203	Mua	6 tháng	08/04/2022	07/10/2022	10:1	86.000 đồng	5.000.000
19	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/19	CHPG2225	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	18.000.000
20	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/20	CTCB2214	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	27.000 đồng	4.500.000
21	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/8M/21	CMBB2213	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	17.000 đồng	9.000.000
22	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/8M/22	CMSN2214	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	100.000 đồng	3.000.000
23	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/8M/23	CMWG2213	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
24	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/24	CVNM2211	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	5,8946:1	66.806 đồng	6.000.000
25	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/8M/25	CVRE2219	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	3:1	29.000 đồng	4.500.000
26	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/8M/26	CVHM2218	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	6:1	54.000 đồng	9.000.000
27	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/8M/27	CFPT2212	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	10:1	70.000 đồng	8.000.000
28	Chứng quyền POW/ACBS/Call/EU/Cash/8M/28	CPOW2210	Mua	8 tháng	06/10/2022	06/06/2023	1:1	13.000 đồng	2.000.000
29	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/29	CHPG2306	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	3:1	20.000 đồng	24.000.000
30	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/9M/30	CFPT2303	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	8,4983:1	73.085 đồng	8.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày bắt đầu	Ngày hết hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Tổng số chứng quyền chào bán
31	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/9M/31	CSTB2303	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	2:1	22.000 đồng	10.000.000
32	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/9M/32	CMWG2302	Mua	9 tháng	09/02/2023	09/11/2023	5,943:1	49.525 đồng	12.000.000
33	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/42	CFPT2311	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	9,8844:1	88.960 đồng	10.000.000
34	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/43	CHPG2330	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	31.000 đồng	12.000.000
35	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/44	CMBB2313	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	2:1	21.000 đồng	10.000.000
36	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/45	CTCB2308	Mua	7 tháng	18/08/2023	18/03/2024	3:1	37.000 đồng	9.000.000
37	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/33	CSTB2306	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	2:1	30.000 đồng	19.000.000
38	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/34	CMBB2306	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1,6965:1	16.965 đồng	20.000.000
39	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/35	CHPG2309	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	24.000 đồng	25.000.000
40	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/36	CMWG2305	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3,962:1	35.658 đồng	9.000.000
41	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/37	CVIB2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	1,5718:1	18.076 đồng	15.000.000
42	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/38	CTCB2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	27.000 đồng	14.000.000
43	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/39	CVHM2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	4:1	50.000 đồng	12.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Hạn hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá chào mua	Tổng giá chào mua quy đổi
44	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/40	CMSN2302	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	6:1	66.000 đồng	6.000.000
45	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/41	CVRE2303	Mua	12 tháng	25/05/2023	24/05/2024	3:1	25.000 đồng	8.000.000
46	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/10M/46	CMWG2316	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	6:1	48.000 đồng	10.000.000
47	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/47	CSTB2334	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	3:1	27.000 đồng	8.000.000
48	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/10M/48	CVIB2306	Mua	10 tháng	24/10/2023	23/08/2024	1,8879:1	16.047 đồng	7.000.000
49	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/49	CHPG2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	2,7268:1	28.177 đồng	10.500.000
50	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/50	CMBB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,7003:1	20.403 đồng	11.000.000
51	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/51	CMWG2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	4:1	66.000 đồng	10.000.000
52	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/52	CSTB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	3:1	30.000 đồng	10.500.000
53	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/53	CVIB2402	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,6444:1	19.732 đồng	10.000.000
54	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/54	CVNM2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	7,4141:1	61.166 đồng	8.000.000
55	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/55	CVPB2401	Mua	12 tháng	21/05/2024	21/05/2025	1,8488:1	19.412 đồng	9.000.000
56	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/56	CFPT2404	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	12,8473:1	103.635 đồng	12.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá thực hiện	Giá mua chứng quyền chào bán
57	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/57	CHPG2409	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	2,4982:1	20.818 đồng	20.000.000
58	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/58	CMBB2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,3033:1	16.943 đồng	15.000.000
59	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/59	CMSN2406	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	6:1	79.000 đồng	6.000.000
60	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/60	CMWG2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	5,9149:1	69.007 đồng	18.000.000
61	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/61	CSTB2410	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	3:1	38.000 đồng	11.000.000
62	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/62	CTCB2403	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	4,8710:1	25.329 đồng	12.000.000
63	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/63	CVHM2408	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	4:1	38.000 đồng	7.000.000
64	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/64	CVIB2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,6895:1	15.205 đồng	9.000.000
65	Chứng quyền VNM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/65	CVNM2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	5,4968:1	62.296 đồng	9.000.000
66	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/66	CVPB2409	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	1,9471:1	21.418 đồng	11.000.000
67	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/EU/Cash/12M/67	CVRE2407	Mua	12 tháng	4/11/2024	4/11/2025	2:1	16.000 đồng	6.000.000
68	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/7M/81	CFPT2519	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	6,8870:1	121.385 đồng	16.000.000
69	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/82	CHPG2528	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	2:1	30.000 đồng	17.000.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Các điều kiện	Giá trị danh nghĩa
70	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/83	CMBB2518	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	1,5:1	21.750 đồng	17.000.000
71	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/7M/84	CMWG2520	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	4,9291:1	77.879 đồng	17.000.000
72	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/85	CSTB2528	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	3:1	49.000 đồng	17.000.000
73	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/7M/86	CTCB2518	Mua	7 tháng	18/07/2025	23/02/2026	1,9484:1	35.071 đồng	16.000.000
74	Chứng quyền FPT/ACBS/Call/EU/Cash/12M/68	CFPT2513	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	11,0965:1	115.234 đồng	26.700.000
75	Chứng quyền HPG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/69	CHPG2518	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,4533:1	22.897 đồng	31.900.000
76	Chứng quyền MBB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/70	CMBB2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,25:1	18.750 đồng	35.200.000
77	Chứng quyền MSN/ACBS/Call/EU/Cash/12M/71	CMSN2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	7:1	60.000 đồng	10.000.000
78	Chứng quyền MWG/ACBS/Call/EU/Cash/12M/72	CMWG2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	5,9149:1	63.092 đồng	27.600.000
79	Chứng quyền STB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/73	CSTB2515	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	3:1	40.000 đồng	25.500.000
80	Chứng quyền TCB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/74	CTCB2507	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2,8624:1	27.193 đồng	20.100.000
81	Chứng quyền TPB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/75	CTPB2503	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,9063:1	12.391 đồng	12.900.000
82	Chứng quyền VHM/ACBS/Call/EU/Cash/12M/76	CVHM2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	4:1	58.000 đồng	10.000.000
83	Chứng quyền VIB/ACBS/Call/EU/Cash/12M/77	CVIB2504	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,6654:1	15.821 đồng	16.600.000
84	Chứng quyền VNM/ACBS/Call	CVNM2511	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	5,7358:1	52.579 đồng	14.200.000



STT	Tên chứng quyền	Mã chứng quyền	Loại	Thời hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá mua hiện	Tổng số chứng quyền có quyền mua
	EU/Cash/12M/78								
85	Chứng quyền VPB/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/79	CVPB2513	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	1,9651:1	17,686 đồng	29.500.000
86	Chứng quyền VRE/ACBS/Call/ EU/Cash/12M/80	CVRE2512	Mua	12 tháng	20/05/2025	20/05/2026	2:1	23,500 đồng	11.000.000

(Phần còn lại của trang được cô ý bỏ trống)

**IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN****1. Tổ chức kiểm toán**

- Tên Công ty: Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
- Địa chỉ: Số 115, đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 3821 9266.
- Website: <https://home.kpmg/vn/vi>.

2. Ngân hàng lưu ký

- Tên Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
- Địa chỉ: Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP. HCM.
- Điện thoại: (028) 3821 8812 Fax: (028) 3914 4714
- Website: www.bidv.com.vn

3. Tổ chức bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành, tổ chức tư vấn

Không có

X. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Chúng tôi, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch và công ty con của chúng tôi tham gia vào các hoạt động đầu tư, môi giới, quản lý quỹ và các hoạt động khác có thể có các thông tin quan trọng về Công ty, và/hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành, hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty, và/hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin, và/hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan hoặc ảnh hưởng đến Công ty, các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu, và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi, Hội sở, các Chi nhánh, Phòng giao dịch và công ty con của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và/hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

Tính đến thời điểm nộp hồ sơ và thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chào bán chứng quyền dựa trên chứng khoán cơ sở của Tổ chức phát hành, ACBS không phải là người có liên quan với Ngân hàng lưu ký, Tổ chức kiểm toán và Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở.

**XI. CAM KẾT**

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này.

XII. GIỚI THIỆU CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN

STT	VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN
1.	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020
2.	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024
3.	Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
4.	Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024, Thông tư 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 và Thông tư 08/2026/TT-BTC ngày 03/02/2026.
5.	Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hoạt động công ty chứng khoán
6.	Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm
7.	Quyết định số 72/QĐ-UBCK ngày 18/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế hướng dẫn chào bán và phòng ngừa rủi ro chứng quyền có bảo đảm
8.	Quyết định số 34/QĐ-SGDHCM ngày 20/01/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế niêm yết và công bố thông tin đối với chứng quyền có bảo đảm tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
9.	Quyết định số 30/QĐ-HĐTV ngày 16/04/2025 ban hành Quy chế hoạt động đăng ký và thực hiện chứng quyền có bảo đảm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
10.	Các văn bản pháp luật khác có liên quan



XIII. PHỤ LỤC

- Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức phát hành;
- Nghị quyết của Hội đồng thành viên thông qua phương án chào bán và việc niêm yết chứng quyền;
- Hợp đồng ký quỹ tài sản bảo đảm thanh toán/ văn bản xác nhận bảo lãnh thanh toán.

(Phần còn lại của trang được cố ý bỏ trống)



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2026

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Handwritten signature and initials

ACBS

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đức Hoàn

NGÂN HÀNG LƯU KÝ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA

Handwritten signature

BIDV



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 29 tháng 06 năm 2000

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Nghị định số 75/CP ngày 28 tháng 11 năm 1996 của Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Căn cứ Nghị định số 48/1998/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 1998 của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Xét hồ sơ xin cấp phép hoạt động kinh doanh chứng khoán của Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB ngày 25 tháng 05 năm 2000.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 - Cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán cho:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CHỨNG KHOÁN ACB

- Tên giao dịch: Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB.
- Trụ sở chính đặt tại: 442 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.3, Tp. Hồ Chí Minh.
- Quyết định thành lập số 0.516/QĐ do Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu ký ngày 23 tháng 05 năm 2000.
- Vốn điều lệ: 43.000.000.000 đồng (43 tỷ đồng chẵn).

Điều 2 - Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB được phép thực hiện các loại hình kinh doanh sau đây:

1. Môi giới
2. Tư doanh
3. Bảo lãnh phát hành
4. Quản lý danh mục đầu tư
5. Tư vấn đầu tư chứng khoán

Điều 3 - Trong quá trình hoạt động, Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật khác có liên quan và Điều lệ công ty.

Điều 4 - Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán, Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB phải khai trương hoạt động. Sau thời hạn trên, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB không khai trương hoạt động, giấy phép này mặc nhiên hết hiệu lực.

Điều 5 - Giấy phép này được lập thành ba (03) bản gốc; một (01) bản cấp cho Công ty trách nhiệm hữu hạn chứng khoán ACB; một (01) bản gửi cho Trung tâm giao dịch chứng khoán; một (01) bản đăng ký tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC



NGUYỄN ĐỨC QUANG

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực 018244. Nguyễn Q. SCT/BS

Ngày 07-09-2026

Công chứng viên



Nguyễn Lê Nghĩa



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
ACB SECURITIES COMPANY
Số/Ngày: 06/NQ-HDTV-ACBS.26

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 06 năm 2026
Ho Chi Minh City, June 06, 2026

NGHỊ QUYẾT **RESOLUTION**

V/v Chào bán chứng quyền có bảo đảm
Regarding Offering of covered warrants

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
THE BOARD OF MEMBERS OF ACB SECURITIES COMPANY

Căn cứ Pursuant to:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

The Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and its guiding documents;

- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of certain articles of the Law on Securities;

- Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Decree No. 245/2025/ND-CP dated September 11, 2025 of the Government amending and supplementing certain articles of Decree No. 155/2020/ND-CP;

- Thông tư số 122/2025/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chứng quyền có bảo đảm;

Circular No. 122/2025/TT-BTC dated December 22, 2025 of the Minister of Finance guiding Covered Warrants;

- Điều lệ Công ty TNHH Chứng khoán ACB, và

The current Charter of ACB Securities Company; and

- Báo cáo kết quả kiểm phiên ngày 26/06/2026 về việc thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm.

Voting counting report dated 26/06/2026 regarding approval for Offering of covered warrants.

QUYẾT NGHỊ
HEREBY RESOLVES

Điều 1: Hội đồng thành viên nhất trí thông qua việc chào bán chứng quyền có bảo đảm với nội dung chính như sau:

Article 1: The Board of Members unanimously approves the offering of covered warrants with the following main contents:

1. Chứng quyền FPT/ACBS/7M/116/ Warrant FPT/ACBS/7M/116

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền FPT/ACBS/7M/116 <i>Warrant FPT/ACBS/7M/116</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	FPT <i>FPT</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Công ty Cổ Phần FPT <i>FPT Corporation</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	7 tháng <i>7 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	9:1 (chín chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>9:1 (nine warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 3,000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	15.000.000 (mười lăm triệu) chứng quyền <i>15,000,000 (fifteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng đến 45.000.000.000 (bốn mươi lăm tỷ) đồng <i>15,000,000,000 (fifteen billion) Vietnamese dong to 45,000,000,000 (forty-five billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
		Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM, Điện thoại: (028) 38218812, Website: www.bidv.com.vn Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Kỳ Khởi Nghĩa Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Street, Sài Gòn Ward, Hồ Chí Minh City. Tel: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn

2. Chứng quyền HPG/ACBS/7M/117/ Warrant HPG/ACBS/7M/117

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền Covered warrant name	Chứng quyền HPG/ACBS/7M/117 Warrant HPG/ACBS/7M/117
2	Mã chứng khoán cơ sở Underlying security code	HPG HPG
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát Hoa Phat Group Joint Stock Company
4	Loại chứng quyền Warrant Type	Mua Call Warrant
5	Kiểu chứng quyền Exercise style	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
6	Phương thức thực hiện chứng quyền Settlement type	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền Cash settlement
7	Thời hạn của chứng quyền Term	7 tháng 7 months
8	Ngày phát hành dự kiến Expected issuance date	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
		<i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	3:1 (ba chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>3:1 (three warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 3,000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	28.000.000 (hai mươi tám triệu) chứng quyền <i>28,000,000 (twenty-eight million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	28.000.000.000 (hai mươi tám tỷ) đồng đến 84.000.000.000 (tám mươi bốn tỷ) đồng <i>28,000,000,000 (twenty-eight billion) Vietnamese dong to 84,000,000,000 (eighty-four billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

3. Chứng quyền MBB/ACBS/7M/118/ Warrant MBB/ACBS/7M/118

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền MBB/ACBS/7M/118/ <i>Warrant MBB/ACBS/7M/118</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	MBB <i>MBB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội <i>Military Commercial Joint Stock Bank</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	7 tháng <i>7 months</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán. <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	3:1 (ba chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>3:1 (three warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 3,000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	28.000.000 (hai mươi tám triệu) chứng quyền <i>28,000,000 (twenty-eight million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	28.000.000.000 (hai mươi tám tỷ) đồng đến 84.000.000.000 (tám mươi bốn tỷ) đồng <i>28,000,000,000 (twenty-eight billion) Vietnamese dong to 84,000,000,000 (eighty-four billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered.</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán	Bằng tiền

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
	<i>Collateral type</i>	<i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Kỳ Khởi Nghĩa Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

4. Chứng quyền MSN/ACBS/7M/119/ Warrant MSN/ACBS/7M/119

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền MSN/ACBS/7M/119 <i>Warrant MSN/ACBS/7M/119</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	MSN <i>MSN</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan <i>Masan Group Corporation</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền	7 tháng

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
	<i>Term</i>	<i>7 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	9:1 (chín chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>9:1 (nine warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within $\pm 20\%$ of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền. <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 3,000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	20.000.0000 (hai mươi triệu) chứng quyền <i>20,000,0000 (twenty million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng <i>20,000,000,000 (twenty billion) Vietnamese dong to 60,000,000,000 (sixty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Địa chỉ: 56 (sáu), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch, Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City, Tel.: (028) 38218812, Website: www.bidv.com.vn</i>

5. Chứng quyền MWG/ACBS/7M/120/ Warrant MWG/ACBS/7M/120

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền MWG/ACBS/7M/120 <i>Warrant MWG/ACBS/7M/120</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	MWG <i>MWG</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Công ty Cổ phần Đầu tư Thẻ giới Di động <i>Mobile World Investment Corporation</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
7	Thời hạn của chứng quyền Term	7 tháng 7 months
8	Ngày phát hành dự kiến Expected issuance date	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission
9	Ngày niêm yết dự kiến Expected listing date	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)
10	Tỷ lệ chuyển đổi Conversion ratio	9:1 (chín chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) 9:1 (nine warrants convertible into one share)
11	Giá thực hiện dự kiến Expected exercise price	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành Within +/- 20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date
12	Giá chào bán dự kiến Expected offering price	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền From 1.000 (one thousand) Vietnamese dong to 3.000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant
13	Số lượng chứng quyền chào bán Total offering number	28.000.000 (hai mươi tám triệu) chứng quyền 28.000.000 (twenty-eight million) warrants
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán Expected total offering value	28.000.000.000 (hai mươi tám tỷ) đồng đến 84.000.000.000 (tám mươi bốn tỷ) đồng 28.000.000.000 (twenty-eight billion) Vietnamese dong to 84.000.000.000 (eighty-four billion) Vietnamese dong
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán Collateral value for settlement	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
		<i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

6. Chứng quyền SHB/ACBS/7M/121/ Warrant SHB/ACBS/7M/121

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền SHB/ACBS/7M/121 <i>Warrant SHB/ACBS/7M/121</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	SHB <i>SHB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội <i>Saigon - Hanoi Commercial Joint Stock Bank</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
		<i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	7 tháng <i>7 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	2:1 (hai chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>2:1 (two warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 3,000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	15.000.000 (mười lăm triệu) chứng quyền <i>15,000,000 (fifteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng đến 45.000.000.000 (bốn mươi lăm tỷ) đồng

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
		15.000.000.000 (fifteen billion) Vietnamese dong to 45.000.000.000 (forty-five billion) Vietnamese dong
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán Collateral value for settlement	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered
16	Tài sản đảm bảo thanh toán Collateral type	Bằng tiền In cash
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán Settlement collateral depository bank	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812, Website: www.bidv.com.vn Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) – Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812 Website: www.bidv.com.vn

7. Chứng quyền STB/ACBS/7M/122/ Warrant STB/ACBS/7M/122

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền Covered warrant name	Chứng quyền STB/ACBS/7M/122 Warrant STB/ACBS/7M/122
2	Mã chứng khoán cơ sở Underlying security code	STB STB
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín Saigon Thương Tín Commercial Joint Stock Bank

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
4	Loại chứng quyền Warrant Type	Mua Call Warrant
5	Kiểu chứng quyền Exercise style	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
6	Phương thức thực hiện chứng quyền Settlement type	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền Cash settlement
7	Thời hạn của chứng quyền Term	7 tháng 7 months
8	Ngày phát hành dự kiến Expected issuance date	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission
9	Ngày niêm yết dự kiến Expected listing date	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)
10	Tỷ lệ chuyển đổi Conversion ratio	7:1 (bảy chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) 7:1 (seven warrants convertible into one share)
11	Giá thực hiện dự kiến Expected exercise price	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành Within $\pm 20\%$ of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date
12	Giá chào bán dự kiến Expected offering price	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 3,000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant
13	Số lượng chứng quyền chào bán	15.000.000 (mười lăm triệu) chứng quyền

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
	<i>Total offering number</i>	<i>15.000.000 (fifteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng đến 45.000.000.000 (bốn mươi lăm tỷ) đồng <i>15.000.000.000 (fifteen billion) Vietnamese dong to 45.000.000.000 (forty-five billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel., (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

8. Chứng quyền TCB/ACBS/7M/123/ Warrant TCB/ACBS/7M/123

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền TCB/ACBS/7M/123 <i>Warrant TCB/ACBS/7M/123</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	TCB <i>TCB</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở Underlying security issuer	Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank
4	Loại chứng quyền Warrant Type	Mua Call Warrant
5	Kiểu chứng quyền Exercise style	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date
6	Phương thức thực hiện chứng quyền Settlement type	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền Cash settlement
7	Thời hạn của chứng quyền Term	7 tháng 7 months
8	Ngày phát hành dự kiến Expected issuance date	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission
9	Ngày niêm yết dự kiến Expected listing date	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)
10	Tỷ lệ chuyển đổi Conversion ratio	4:1 (bốn chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) 4:1 (four warrants convertible into one share)
11	Giá thực hiện dự kiến Expected exercise price	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành Within +/-20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date
12	Giá chào bán dự kiến	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
	<i>Expected offering price</i>	<i>From 1.000 (one thousand) Vietnamese dong to 3.000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	20,000,0000 (hai mươi triệu) chứng quyền <i>20.000.0000 (twenty million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	20,000,000,000 (hai mươi tỷ) đồng đến 60,000,000,000 (sáu mươi tỷ) đồng <i>20.000.000.0000 (twenty billion) Vietnamese dong to 60.000.000.0000 (sixty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký/đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812, Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812, Website: www.bidv.com.vn</i>

9. Chứng quyền TPB/ACBS/7M/124/ Warrant TPB/ACBS/7M/124

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền TPB/ACBS/7M/124 <i>Warrant TPB/ACBS/7M/124</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	TPB <i>TPB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong <i>Tien Phong Commercial Joint Stock Bank</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	7 tháng <i>7 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	2:1 (hai chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>2:1 (two warrants convertible into one share)</i>
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within +/-20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1,000 (một nghìn) đồng đến 3,000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 3,000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	15.000.000 (mười lăm triệu) chứng quyền <i>15,000,000 (fifteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng đến 45.000.000.000 (bốn mươi lăm tỷ) đồng <i>15,000,000,000 (fifteen billion) Vietnamese dong to 45,000,000,000 (forty-five billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

10. Chứng quyền VIB/ACBS/7M/125/ Warrant VIB/ACBS/7M/125

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền VIB/ACBS/7M/125 <i>Warrant VIB/ACBS/7M/125</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	VIB <i>VIB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam Vietnam International Commercial Joint Stock Bank
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	7 tháng <i>7 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	2:1 (hai chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>2:1 (two warrants convertible into one share)</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within +/- 20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1,000 (một nghìn) đồng đến 3,000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 3,000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	20,000,0000 (hai mươi triệu) chứng quyền <i>20,000,0000 (twenty million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	20,000,000,000 (hai mươi tỷ) đồng đến 60,000,000,000 (sáu mươi tỷ) đồng <i>20,000,000,000 (twenty billion) Vietnamese dong to 60,000,000,000 (sixty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel.: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

11. Chứng quyền VNM/ACBS/7M/126/ Warrant VNM/ACBS/7M/126

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền VNM/ACBS/7M/126 <i>Warrant VNM/ACBS/7M/126</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	VNM <i>VNM</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Công ty Cổ phần sữa Việt Nam <i>Vietnam Dairy Products Joint Stock Company</i>
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	7 tháng <i>7 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	7:1 (bảy chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>7:1 (seven warrants convertible into one share)</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ $\pm 20\%$ so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within $\pm 20\%$ of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền <i>From 1,000 (one thousand) Vietnamese dong to 3,000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	15.000.000 (mười lăm triệu) chứng quyền <i>15,000,000 (fifteen million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	15.000.000.000 (mười lăm tỷ) đồng đến 45.000.000.000 (bốn mươi lăm tỷ) đồng <i>15,000,000,000 (fifteen billion) Vietnamese dong to 45,000,000,000 (forty-five billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch. Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

12. Chứng quyền VPB/ACBS/7M/127/ Warrant VPB/ACBS/7M/127

STT No	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
1	Tên chứng quyền <i>Covered warrant name</i>	Chứng quyền VPB/ACBS/7M/127 <i>Warrant VPB/ACBS/7M/127</i>
2	Mã chứng khoán cơ sở <i>Underlying security code</i>	VPB <i>VPB</i>
3	Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở <i>Underlying security issuer</i>	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng Vietnam Prosperity Joint Stock Commercial Bank
4	Loại chứng quyền <i>Warrant Type</i>	Mua <i>Call Warrant</i>
5	Kiểu chứng quyền <i>Exercise style</i>	Chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn <i>Warrant under which the warrant holder is only entitled to exercise the right on the maturity date</i>
6	Phương thức thực hiện chứng quyền <i>Settlement type</i>	Chứng quyền được thanh toán bằng tiền <i>Cash settlement</i>
7	Thời hạn của chứng quyền <i>Term</i>	7 tháng <i>7 months</i>
8	Ngày phát hành dự kiến <i>Expected issuance date</i>	Trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán <i>Within ten (10) business days from the date on which the Certificate of Offering is granted by the State Securities Commission</i>
9	Ngày niêm yết dự kiến <i>Expected listing date</i>	Sau khi được SGDCK TP.HCM chấp thuận (dự kiến quý 3 năm 2026) <i>After approval by the Ho Chi Minh City Stock Exchange (expected in the third quarter of 2026)</i>
10	Tỷ lệ chuyển đổi <i>Conversion ratio</i>	3:1 (ba chứng quyền quy đổi một cổ phiếu) <i>3:1 (three warrants convertible into one share)</i>

STT No.	Thông tin Information	Chứng quyền Covered warrant
11	Giá thực hiện dự kiến <i>Expected exercise price</i>	Trong biên độ +/- 20% so với giá đóng cửa của cổ phiếu cơ sở tại ngày giao dịch liền trước ngày thông báo phát hành <i>Within ±20% of the closing price of the underlying share on the trading day immediately preceding the issuance announcement date</i>
12	Giá chào bán dự kiến <i>Expected offering price</i>	1.000 (một nghìn) đồng đến 3.000 (ba nghìn) đồng/một chứng quyền <i>From 1.000 (one thousand) Vietnamese dong to 3.000 (three thousand) Vietnamese dong/warrant</i>
13	Số lượng chứng quyền chào bán <i>Total offering number</i>	20.000.0000 (hai mươi triệu) chứng quyền <i>20.000.0000 (twenty million) warrants</i>
14	Tổng giá trị dự kiến chào bán <i>Expected total offering value</i>	20.000.000.000 (hai mươi tỷ) đồng đến 60.000.000.000 (sáu mươi tỷ) đồng <i>20.000.000.000 (twenty billion) Vietnamese dong to 60.000.000.000 (sixty billion) Vietnamese dong</i>
15	Giá trị tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral value for settlement</i>	50% giá trị chứng quyền được phép chào bán <i>Equal to 50% of the value of the warrants permitted to be offered</i>
16	Tài sản đảm bảo thanh toán <i>Collateral type</i>	Bằng tiền <i>In cash</i>
17	Ngân hàng lưu ký đảm bảo thanh toán <i>Settlement collateral depository bank</i>	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, TP.HCM. Điện thoại: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn <i>Bank for Investment and Development of Vietnam (BIDV) - Nam Ky Khoi Nghia Branch, Address: 56 (rear), 58, 60, 62, 64 Nam Ky Khoi Nghia Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City. Tel: (028) 38218812. Website: www.bidv.com.vn</i>

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổng Giám đốc, các đơn vị và cá nhân trong hệ thống Công ty TNHH Chứng khoán ACB chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 2: This Resolution shall take effect from the date of signing. The President & CEO, departments and individuals within ACB Securities Company shall be responsible for the implementation of this Resolution.

Nơi nhận:

- HĐTV, BKS (để báo cáo);
- Như Điều 2;
- Lưu P.HCTH, Thư ký công ty.

Recipients:

- The Board of Members and Supervisor (for reporting);
- As Article 2;
- Filing: General Administration Department, Company Secretary.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
ON BEHALF OF THE BOARD OF MEMBERS
CHỦ TỊCH/ CHAIRMAN Hue



ĐỖ MINH TOÀN

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng 018243 Ngày 09 SCT/BS

Ngày 07-09-2026

Công chứng viên



Nguyễn Lê Nghĩa

20

HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÁN

Số: 04/2026/TT/BIDV-ACBS

GIỮA

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

- và -

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI
NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA**

với tư cách là Ngân Hàng Lưu Kỳ

NGÀY 03 THÁNG 09 NĂM 2026

HỢP ĐỒNG KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THANH TOÀN này được lập vào ngày **03/09/2026** (sau đây gọi là "**Hợp Đồng**") giữa:

A. CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Địa chỉ : Tầng 3 Tòa nhà Leman Luxury, số 117 Nguyễn Đình Chiểu, P.Xuân Hòa, TP.HCM
Giấy phép thành lập : 06/GPHĐKD Cấp ngày: 29/06/2000 Nơi cấp Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và các GPĐC từng thời kỳ
Điện thoại : 028-38234159 Fax :
Người đại diện : Nguyễn Đức Hoàn Chức vụ : Tổng Giám đốc
Văn bản ủy quyền : 02/GUQ-ACBS.2026 ngày 12/02/2026

(Sau đây gọi là "**Tổ Chức Phát Hành**")

và

B. NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM, CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA

Địa chỉ : Số 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCOT số 66, 68 Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Sài Gòn, TP.HCM
Giấy CNĐKDN 0100150619079 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 29/11/2004; đăng ký sửa đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019
Giấy phép hoạt động Quyết định số 106/QĐ-LBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14 tháng 5 năm 2003
Điện thoại : 028.38218812 Fax : 028.39144714
Người đại diện : **PHÓ GIÁM ĐỐC** Chức vụ : Phó Giám đốc Chi nhánh
Văn bản ủy quyền : *Nguyễn Thị Minh Châu*
5259/QĐ-BIDV ngày 01/07/2026

(Sau đây gọi là "**Ngân Hàng Lưu Ký**")

(Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký sau đây gọi riêng là mỗi "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**").

Các bên thỏa thuận ký kết **Hợp Đồng** này với các điều khoản sau:

1. CƠ SỞ XÁC LẬP HỢP ĐỒNG:

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ phát hành Chứng quyền có bảo đảm cụ thể theo **Phụ lục I** đính kèm Hợp Đồng này (sau đây gọi là "**Chứng Quyền**")

- (ii) Tổ Chức Phát Hành đã ban hành Bản Cáo Bạch liên quan đến việc phát hành Chứng Quyền, bao gồm cả các điều khoản và điều kiện của Chứng Quyền ("Bản Cáo Bạch").
- (iii) Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các chứng quyền phát hành khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ các Tài Sản Ký Quỹ (được định nghĩa dưới đây) tại Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Bản Cáo Bạch chào bán chứng quyền và Hợp Đồng này.

II. CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:

1. ĐỊNH NGHĨA VÀ GIẢI THÍCH

1.1. Định nghĩa

Trong Hợp Đồng này, bên cạnh các từ ngữ được định nghĩa tại các điều khoản cụ thể:

- "Biện Pháp Bảo Đám" nghĩa là Tổ Chức Phát Hành ký quỹ các Tài Sản Ký Quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký để bảo đảm cho việc thực hiện và hoàn thành đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán vào Ngày Đảo Hạn Chứng Quyền.
- "Chứng Quyền Có Lãi" là chứng quyền mua cổ giá thực hiện (chỉ số thực hiện) thấp hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở hoặc chứng quyền bán cổ giá thực hiện (chỉ số thực hiện) cao hơn giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở.
- "Người Sở Hữu Chứng Quyền" là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của Tổ Chức Phát Hành và không phải là Tổ Chức Phát Hành chứng quyền.
- "Ngày Định Giá" là bất kỳ ngày nào trong thời gian có hiệu lực của chứng quyền.
- "Ngày Làm Việc" có nghĩa là ngày không phải ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ kể cả nghỉ bù, mà vào ngày đó các ngân hàng mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường tại Hà Nội.
- "Ngày Đảo Hạn" là ngày cuối cùng mà Người Sở Hữu Chứng Quyền được thực hiện chứng quyền.
- "Giá Trị Ký Quỹ" là giá trị của Tài Sản Ký Quỹ mà Tổ Chức Phát Hành cam kết dùng để làm Biện Pháp Bảo Đám căn cứ theo Hợp Đồng này.
- "Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán" có nghĩa bằng 50% Tổng giá trị Chứng Quyền tối đa dự kiến chào bán căn cứ trên Bản Cáo Bạch.
- "Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu" có nghĩa bằng 50% Tổng giá trị Chứng Quyền đã phát hành và đăng ký phát hành.
- "Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đám Thanh Toán" nghĩa là (những) Thỏa thuận sửa đổi của Hợp Đồng này về cơ bản theo mẫu được quy định tại Phụ Lục 4 (Mẫu Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đám Thanh Toán) sẽ được Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký ký kết và cung cấp căn cứ theo Hợp Đồng này.
- "Tài Sản Ký Quỹ" có nghĩa là tiền hoặc chứng chỉ tiền gửi thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành. Tài sản này không được dùng để ký quỹ, thế chấp, làm tài sản bảo

đảm cho các khoản vay hoặc nghĩa vụ tài chính khác của Tổ Chức Phát Hành hay bất cứ bên thứ ba nào khác.

- “**Tài Sản Ký Quỹ Bổ Sung**” có nghĩa được quy định tại Điều 2.4(a) (Điều Chính Biện Pháp Bảo Đảm).

- “**Tài Sản Ký Quỹ Rút Bớt**” có nghĩa được quy định tại Điều 2.4(b) (Điều Chính Biện Pháp Bảo Đảm).

- “**Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế**” có nghĩa được quy định tại Điều 2.4(c) (Điều Chính Biện Pháp Bảo Đảm).

- **Tổng Giá Trị Chứng Quyền đã phát hành, đăng ký phát hành của Tổ Chức Phát Hành** (không tính số chứng quyền đã hủy niêm yết hoặc đã đáo hạn):

• “**Tổng Giá trị Chứng Quyền đăng ký phát hành**” = [Giá Đăng ký chào bán chứng quyền] x [Số lượng Chứng Quyền đăng ký chào bán]

• “**Tổng Giá trị Chứng Quyền đã phát hành**” = [Giá Chào bán (đối với chứng quyền chưa niêm yết)] x [Số lượng chứng quyền chưa niêm yết] + [Giá Đóng cửa của Chứng Quyền tại ngày giao dịch gần nhất (Đối với Chứng Quyền niêm yết)] x [Số lượng Chứng Quyền niêm yết]

- “**Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật**” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào nêu tại Điều 4 của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015, và trong trường hợp các Điều này được sửa đổi hoặc bổ sung thì bao gồm cả bất kỳ văn bản nào sau này được định nghĩa là văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi hoặc bổ sung đó.

- “**VSDC**” nghĩa là Tổng Công ty Lưu ký và Bảo Trì Chứng khoán Việt Nam.

1.2. Giải thích

(a) Các thuật ngữ viết hoa được sử dụng nhưng không định nghĩa trong Hợp Đồng này sẽ có nghĩa tương tự như trong Bản Cáo Bạch chào bán Chứng Quyền ngày

(b) Trừ khi có quy định khác đi, dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến:

(i) Những từ chỉ số ít sẽ bao gồm cả từ số nhiều và ngược lại;

(ii) Bên hoặc bất cứ người nào khác sẽ được hiểu là bao gồm cả bên kế nhiệm hoặc bên nhận chuyển nhượng hợp pháp của bên đó;

(iii) Các tài sản bao gồm cả các tài sản, doanh thu và các quyền dưới mọi hình thức ở hiện tại và trong tương lai;

(iv) Thuật ngữ **Biện Pháp Bảo Đảm** này nghĩa là bất kỳ biện pháp bảo đảm nào được tạo lập bằng Hợp Đồng này;

(v) Một Điều, một Khoản, một Đoạn, hoặc một Phụ Lục được hiểu là các dẫn chiếu tới điều, khoản, đoạn hoặc một phụ lục của Hợp Đồng này;

(vi) Một loại tiền tệ là dẫn chiếu đến loại tiền tệ hợp pháp đang lưu hành tại quốc gia có liên quan;

(vii) Một người sẽ được hiểu là bao gồm cả cá nhân, doanh nghiệp, công ty, chính phủ, nhà nước hoặc cơ quan nhà nước hoặc công ty liên doanh, hiệp hội, công ty hợp danh, hội đồng hoặc tổ chức đại diện cho người lao động (cho dù có phải là một pháp nhân riêng rẽ hay không);

(viii) Một bên kế nhiệm sẽ được hiểu là bao gồm một bên nhận chuyển nhượng hoặc kế nhiệm quyền của bên đó và bất cứ người nào mà theo luật pháp nơi người đó được thành lập hoặc cư trú, tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của bên đó theo Hợp Đồng này hoặc chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ cho bên đó;

(ix) Một quy định pháp luật là dẫn chiếu đến quy định đã được sửa đổi hoặc thay thế;

(x) Hợp Đồng này hoặc bất cứ văn bản nào khác là dẫn chiếu đến Hợp Đồng này hoặc văn bản khác đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

(xi) Trừ khi có quy định khác đi, thời gian của ngày là dẫn chiếu đến thời gian tại Hà Nội, Việt Nam; và

(xii) Một văn bản sửa đổi bao gồm văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

2. CHỈ ĐỊNH NGÂN HÀNG LƯU KÝ VÀ TẠO LẬP BIỆN PHÁP BẢO ĐÀM

2.1 Chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký

(a) Bảng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định và Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý với

(i) việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký là ngân hàng thực hiện việc lưu giữ và quản lý tài sản do Tổ Chức Phát Hành ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các Chứng Quyền đã phát hành và

(ii) các nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền, thẩm quyền và quyền quyết định được quy định cụ thể cho Ngân Hàng Lưu Ký theo quy định tại Hợp Đồng này.

(b) Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký quy định tại Điều 2.1(a) ở trên là chỉ định duy nhất và chừng nào việc chỉ định đó vẫn còn hiệu lực và không bị chấm dứt theo Hợp Đồng này thì Tổ Chức Phát Hành sẽ không chỉ định hay giao cho người khác cung cấp dịch vụ liên quan đến Chứng Quyền tương tự như dịch vụ Ngân Hàng Lưu Ký sẽ cung cấp theo Hợp Đồng này.

2.2 Tạo lập Biện Pháp Bảo Đảm

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán kịp thời, đầy đủ khi đến hạn các nghĩa vụ đang tồn tại hoặc sẽ phát sinh trong tương lai của Tổ Chức Phát Hành đối với Người Sở Hữu Chứng Quyền theo Bản Cáo Bạch, Tổ Chức Phát Hành đồng ý ký quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký tất cả các Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành với thông tin chi tiết của Tài Sản Ký Quỹ và Giá Trị Ký Quỹ tại ngày ký Hợp Đồng này được nêu tại Phụ Lục 2 của Hợp Đồng này và tại từng thời điểm sau

như được cập nhật tại Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán.

2.3 Phương pháp xác định giá trị Tài Sản Ký Quỹ

a) Loại tài sản (bao gồm nhưng không giới hạn các tài sản sau dưới đây):

(i) **Ngoại tệ:** Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của BIDV tại Ngày Làm Việc liền kề trước Ngày Định Giá. Các loại ngoại tệ Ngân Hàng Lưu Ký nhận làm tài sản ký quỹ bao gồm: *(Chỉ nhánh thỏa thuận với khách hàng về các loại ngoại tệ nhận làm tài sản bảo đảm)*

(ii) **Tiền gửi không kỳ hạn:** Số dư tiền gửi trên tài khoản thanh toán tại thời điểm định giá của Ngày Định Giá

(iii) **Tiền gửi có kỳ hạn (Hợp đồng tiền gửi/ Chứng chỉ tiền gửi):** Giá trị tiền gửi trừ đi lãi đã được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá

b) Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng Giá Trị Ký Quỹ được xác định theo quy định tại Hợp Đồng này. Tại thời điểm sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy Chứng Nhận chào bán chứng quyền có bảo đảm đối với Chứng Quyền, Giá Trị Ký Quỹ được xác định tối thiểu bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu Tại Thời Điểm Chào Bán. Tại thời điểm sau khi Tổ Chức Phát Hành ban hành thông báo phát hành Chứng Quyền và trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, Giá Trị Ký Quỹ không thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu.

2.4 Điều Chỉnh Biện Pháp Bảo Đảm

(a) Trong trường hợp Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu thì trong vòng 34 giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Ký Quỹ thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ gửi văn bản thông báo cho Tổ Chức Phát Hành để tiến hành các thủ tục bổ sung Tài Sản Ký Quỹ. Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong thời gian sớm nhất có thể ký và cung cấp:

(i) Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán

(ii) Bất kỳ tài liệu nào theo quy định của pháp luật để thể chấp, bổ sung Tài Sản Ký Quỹ Bổ Sung thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, phù hợp với các cam đoan nêu tại Hợp Đồng này ("Tài Sản Ký Quỹ Bổ Sung").

Từng Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán sẽ được bao gồm trong Hợp Đồng này và tạo thành một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

(b) Trường hợp Giá Trị Ký Quỹ cao hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành có quyền yêu cầu rút bớt Tài Sản Ký Quỹ bằng cách gửi yêu cầu bằng văn bản tới Ngân Hàng Lưu Ký nếu được Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý. Trong vòng ba (03) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành sẽ ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán để rút bớt số Tài Sản Ký Quỹ vượt quá đó ("Tài Sản Ký Quỹ Rút Bớt") cho Tổ Chức Phát Hành sao cho Giá Trị Ký Quỹ sau khi được rút bớt như vậy tối thiểu phải bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu. Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán đó sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này.

(c) Tổ Chức Phát Hành có thể yêu cầu thay thế bất cứ Tài Sản Ký Quỹ nào bằng Tài

Sản Ký Quỹ khác thuộc sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, phù hợp với các cam đoan nêu tại Hợp Đồng này ("Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế") bằng cách gửi văn bản tới Ngân Hàng Lưu Ký nếu được Ngân Hàng Lưu Ký đồng ý. Nếu Giá Trị Ký Quỹ sau khi được thay thế tối thiểu bằng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu, Ngân Hàng Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán trong vòng năm (05) Ngày Làm Việc kể từ khi nhận được yêu cầu đề nghị thay thế Tài sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành. Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán đó sẽ là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng này. Việc thay thế Tài Sản Ký Quỹ bằng Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế trong mọi trường hợp phải bảo đảm nguyên tắc, các thủ tục ký quỹ, thế chấp và phong tỏa Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế phải hoàn thành trước khi Tài Sản Ký Quỹ được giải tỏa.

(d) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành thực hiện phát hành bổ sung chứng quyền thì phải bổ sung Tài Sản Ký Quỹ phù hợp với quy định tại Hợp Đồng này, BIDV thực hiện phong tỏa phần tài sản bảo đảm thanh toán bổ sung và ký Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán.

(e) Trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải hủy niêm yết một phần chứng quyền chưa lưu hành theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện điều chỉnh rút bớt Tài Sản Ký Quỹ tương tự như mục 2.4(b) trên đây.

3. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

3.1 Nghĩa vụ:

(a) Thực hiện Hợp Đồng này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi và các văn bản khác có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có).

(b) Thực hiện ký quỹ Tài Sản Ký Quỹ để bảo đảm khả năng thanh toán cho đợt phát hành Chứng Quyền và duy trì Giá Trị Ký Quỹ tối thiểu 50 % Tổng Giá Trị Chứng Quyền Đã Phát Hành, không tính số Chứng Quyền đã hủy niêm yết;

(c) Khi có sự thay đổi bất kỳ liên quan đến giá trị Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm thông báo cho Ngân Hàng Lưu Ký để Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện nghĩa vụ báo cáo các cơ quan chức năng có liên quan;

(d) Ngay khi có yêu cầu của Ngân Hàng Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành thực hiện ký quỹ bổ sung để đáp ứng Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu theo quy định của pháp luật và Hợp Đồng này;

(e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

3.2 Quyền hạn:

(a) Tổ Chức Phát Hành được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư tài sản ký quỹ trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp Đồng này.

(b) Được Bên B hoàn trả Tài Sản Ký Quỹ sau khi trừ Phí dịch vụ và số tiền Bên B đã thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có);

(c) Được Bên B bồi thường đối với những thiệt hại mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh

chịu phát sinh từ hành vi vi phạm Hợp Đồng của Bên B gây ra;

4. NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA NGÂN HÀNG LƯU KÝ

4.1 Nghĩa vụ:

(a) Thực hiện Hợp Đồng này, các Thỏa Thuận Sửa Đổi Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán và các văn bản khác có liên quan đến Chứng Quyền (nếu có).

(b) Lưu giữ Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành; quản lý tách biệt Tài Sản Ký Quỹ với tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành và các tài sản khác của Ngân Hàng Lưu Ký;

(c) Phong tỏa Tài Sản Ký Quỹ của Tổ Chức Phát Hành;

(d) Cho phép Tổ Chức Phát Hành thực hiện rút Tài Sản Ký Quỹ Rút Bớt, thay thế Tài Sản Ký Quỹ Thay Thế theo thỏa thuận tại Điều 2.4 Hợp đồng này;

(e) Hoàn trả Tài sản ký quỹ cho Tổ Chức Phát Hành sau khi trừ Phí dịch vụ và số tiền Ngân Hàng Lưu Ký đã thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền (nếu có)

(f) Thực hiện hoạt động thu, chi, thanh toán và chuyển giao tiền liên quan đến hoạt động của Tổ Chức Phát Hành theo yêu cầu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và Tổng Công ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam;

(g) Kịp thời thông báo cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi phát sinh trường hợp Giá Trị Ký Quỹ, như được xác định theo quy định tại Điều 2.3 Hợp Đồng này thấp hơn Giá Trị Ký Quỹ Tối Thiểu

(h) Xác nhận báo cáo do Tổ Chức Phát Hành lập có liên quan đến Tài Sản Ký Quỹ;

(i) Định kỳ đánh giá việc tuân thủ thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm và nhiệm vụ của Tổ Chức Phát Hành về việc duy trì Tài Sản Ký Quỹ

(j) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi phát hiện Tổ Chức Phát Hành vi phạm quy định của pháp luật liên quan đến việc ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền;

(k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.

4.2 Quyền hạn:

(a) Ngân Hàng Lưu Ký được thực hiện mọi quyền, quyền hạn, thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận số dư Tài Sản Ký Quỹ trong phạm vi phù hợp với quy định của pháp luật và Hợp Đồng này.

(b) Ngân Hàng Lưu Ký được định giá hoặc bằng chỉ phí do Ngân Hàng Lưu Ký chịu để yêu cầu bên thứ ba định giá Giá Trị Ký Quỹ theo quy định tại Điều 2.3 Hợp Đồng này.

(c) Được thu giá dịch vụ liên quan đến chứng quyền theo quy định pháp luật.

5. CAM ĐOAN VÀ BẢO ĐẢM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Tổ Chức Phát Hành cam đoan và bảo đảm với Ngân Hàng Lưu Ký rằng các tuyên bố và khẳng định dưới đây là chính xác và không gây nhầm lẫn:

5.1 Tư Cách Pháp Nhân

(a) Tổ Chức Phát Hành

(i) là một công ty TNHH được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam,

(ii) đã được cấp mọi giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận phải có theo yêu cầu của pháp luật Việt Nam để Tổ Chức Phát Hành tiến hành hoạt động kinh doanh của mình. Tổ Chức Phát Hành đã tuân thủ các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó về mọi khía cạnh trọng yếu. Các giấy phép, đăng ký, phê chuẩn và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Tổ Chức Phát Hành chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ giấy phép, đăng ký, phê chuẩn hay chấp thuận nào như vậy và

(iii) có quyền hạn và năng lực để ký kết Hợp Đồng này, tạo lập bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào và thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này.

(b) Các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo quy định tại Hợp Đồng này cấu thành nghĩa vụ hợp pháp, hợp lệ, ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành theo các điều khoản của Hợp Đồng này. Tổ Chức Phát Hành có đầy đủ quyền, quyền hạn, thẩm quyền và đã thực hiện các thủ tục và đạt được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với Điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để ký kết và thực hiện Hợp Đồng này.

5.2 Tài Sản Ký Quỹ

(a) Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, việc bảo đảm, thế chấp, ký quỹ, chuyển nhượng Tài Sản Ký Quỹ theo Hợp Đồng này không bị cấm theo quy định của pháp luật hiện hành.

(b) Tài Sản Ký Quỹ thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đang không có bất kỳ tranh chấp về quyền sở hữu đối với Tài Sản Ký Quỹ; theo quy định của pháp luật Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền sử dụng để ký quỹ bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tại Ngân Hàng Lưu Ký.

Tổ Chức Phát Hành không ký bất kỳ thỏa thuận hoặc cam kết nào liên quan đến việc chuyển giao quyền sở hữu bất kỳ Tài Sản Ký Quỹ nào theo bất kỳ hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu nào hoặc theo bất kỳ thỏa thuận/hợp đồng nào có hiệu lực tương tự. Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, các Tài Sản Ký Quỹ đang không bị niêm phong, phong tỏa, đông băng hoặc kê biên để thực hiện nghĩa vụ khác.

Trong trường hợp một phần giá trị của Tài Sản Ký Quỹ đang bảo đảm cho một nghĩa vụ ký quỹ bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền khác của Tổ Chức Phát hành thì Ngân Hàng Lưu Ký chấp nhận sử dụng phần giá trị của Tài Sản Ký Quỹ còn lại để thực hiện ký quỹ bảo đảm thanh toán cho Chứng Quyền này.

(c) Tài Sản Ký Quỹ hiện không sử dụng ký quỹ, bị cầm giữ, bảo lưu quyền sở hữu dưới

bất kỳ hình thức nào để đảm bảo cho bất kỳ một nghĩa vụ nào khác.

(d) Tài Sản Kỳ Quỹ không thuộc đối tượng bị trưng thu, trưng dụng, thu hồi hoặc bị kê biên để thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài nhằm thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành với bên thứ ba. Không có sự kiện nào ảnh hưởng đến hiệu lực và khả năng thi hành đối với các Tài Sản Kỳ Quỹ.

(e) Tài Sản Kỳ Quỹ sẽ vẫn được hưởng lãi và các quyền lợi khác phát sinh theo các nội dung quy định tại Hợp đồng tiền gửi/Hợp đồng chứng chỉ tiền gửi mà Tổ Chức Phát Hành đã ký với Ngân Hàng Lưu Kỳ.

(f) Tổ Chức Phát Hành không có bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước hoặc bên thứ ba liên quan đến việc sở hữu, sử dụng Tài Sản Kỳ Quỹ.

(g) Không có bất kỳ thủ tục tố tụng, thủ tục trọng tài hoặc thủ tục xử lý hành chính nào đang diễn ra, đang chờ giải quyết liên quan đến Tổ Chức Phát Hành và Tài Sản Kỳ Quỹ.

(h) Ngân Hàng Lưu Kỳ được toàn quyền phong toả toàn bộ số dư tiền gửi theo bảng liệt kê tại Phụ Lục 2 Hợp Đồng này để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này.

(i) Trong suốt thời hạn có hiệu lực của Chứng Quyền, Tổ Chức Phát Hành không được:

- Tạo lập hoặc cho phép tồn tại bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào đối với bất kỳ Tài Sản Kỳ Quỹ nào;

- Bán, chuyển nhượng, chuyển giao hoặc định đoạt theo hình thức khác bất kỳ Tài Sản Kỳ Quỹ nào;

- Thực hiện, hoặc chấp thuận, bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể ảnh hưởng đến toàn bộ hoặc một phần hiệu lực của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng này; hoặc

- Thực hiện hoặc cho phép một bên khác thực hiện bất kỳ công việc gì mà theo dự kiến hợp lý là có thể có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến các quyền, quyền lợi và lợi ích của Ngân Hàng Lưu Kỳ đối với Tài Sản Kỳ Quỹ hoặc khả năng thi hành toàn bộ hoặc một phần của bất kỳ Biện Pháp Bảo Đảm nào theo quy định tại Hợp Đồng này, trừ khi có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5.3 Tính chất của biện pháp bảo đảm

Hợp Đồng này tạo lập những Biện Pháp Bảo Đảm và không thể bị sửa đổi, hủy bỏ hoặc bác bỏ khi Tổ Chức Phát Hành bị thanh lý, giải thể hoặc trong mọi trường hợp khác.

5.4 Thời điểm đưa ra cam đoan và bảo đảm

(a) Các cam đoan và bảo đảm được quy định tại Hợp Đồng này (bao gồm cả trong Điều này) được Tổ Chức Phát Hành đưa ra vào ngày ký Hợp Đồng này.

(b) Trừ trường hợp một cam đoan và bảo đảm được quy định rõ là phải được đưa ra vào một ngày cụ thể, từng cam đoan và bảo đảm theo quy định tại Hợp Đồng này được xem là được

Tổ Chức Phát Hành đưa ra bằng cách tham chiếu đến những sự kiện và hoàn cảnh tồn tại tại thời điểm đó vào mỗi ngày trong suốt Thời Hạn Bảo Đảm.

6. PHÍ VÀ CHI PHÍ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Ngân Hàng Lưu Ký khoản phí liên quan đến các công việc và nhiệm vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện theo Hợp Đồng này ("Phí dịch vụ") với mức phí cụ thể được quy định tại Phụ lục 3 đính kèm Hợp Đồng này.

(b) Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Ngân Hàng Lưu Ký có thể cung cấp cho các bên khác (không phải Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến Chứng Quyền, với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi, đối với các quyền của Tổ Chức Phát Hành phát sinh theo Hợp Đồng này, Ngân Hàng Lưu Ký có quyền áp dụng và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các bên đó phải thanh toán cho Ngân Hàng Lưu Ký.

(c) Mọi khoản phí và chi phí khác mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý cho bên thứ ba với sự đồng ý trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành để thực hiện các nghĩa vụ hay công việc quy định trong Hợp Đồng này (nếu có) sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Ngân Hàng Lưu Ký vào ngày 28 của tháng gần nhất (hoặc ngày làm việc ngay sau đó nếu ngày 28 của tháng đó không phải là một Ngày Làm Việc) kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn, bằng chứng hợp lệ từ Ngân Hàng Lưu Ký.

7. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

7.1 Trách nhiệm của Tổ Chức Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành sẽ bồi thường và bồi hoàn cho Ngân Hàng Lưu Ký mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, chi phí và phí tổn mà Ngân Hàng Lưu Ký phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp liên quan đến hoặc phát sinh từ việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi lừa dối hoặc vi phạm bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này.

7.2 Trách nhiệm của Ngân Hàng Lưu Ký

Ngân Hàng Lưu Ký không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Tổ Chức Phát Hành trừ trường hợp Ngân Hàng Lưu Ký thực hiện các công việc vi phạm bất kỳ quy định nào tại Hợp Đồng này, khi đó Ngân Hàng Lưu Ký có nghĩa vụ bồi thường và bồi hoàn mọi tổn thất, thiệt hại, trách nhiệm, phạt vi phạm, phí và phí tổn mà Tổ Chức Phát Hành phải gánh chịu trên thực tế và trực tiếp phát sinh từ hành vi thực hiện các công việc trái với quy định tại Hợp Đồng này với tổng mức bồi thường thiệt hại không quá mức Phí dịch vụ mà BIDV đã nhận. Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành công nhận và đồng ý rằng:

(a) Ngân Hàng Lưu Ký không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ nào ngoài các công việc và nghĩa vụ được quy định rõ ràng trong Hợp Đồng này.

(b) Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với bất kỳ quy định nào của pháp luật, quyết định, phán quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hay quy chế của Tổng Công ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán. Trong trường hợp này, Ngân Hàng Lưu Ký có trách nhiệm thông báo cho Tổ Chức Phát Hành trước 02 Ngày Làm Việc, kể từ khi không/dừng thực hiện các công việc theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này.

8. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

8.1 Việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký sẽ chấm dứt khi:

(a) Giao dịch phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ hoặc không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành phát hành trong tối đa 15 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận Chào bán Chứng quyền có hiệu lực và Ngân Hàng Lưu Ký đã hoàn thành việc giải chấp Tài Sản Kỳ Quý theo Điều 9. Trường hợp này, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo cho Ngân Hàng Lưu Ký về việc chấm dứt chỉ định hoặc;

(b) Khi có lý do khách quan vượt quá tầm kiểm soát của Ngân Hàng Lưu Ký dẫn đến Ngân Hàng Lưu Ký không thể tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Hợp Đồng này và Ngân Hàng Lưu Ký có đề nghị chấm dứt hợp đồng bằng văn bản gửi Tổ Chức Phát Hành. Ngân Hàng Lưu Ký chỉ chấm dứt hợp đồng khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế. Trường hợp này Ngân Hàng Lưu Ký sẽ hoàn trả Tổ Chức Phát Hành số Phí dịch vụ mà Ngân Hàng Lưu Ký đã nhận (tính trên số tiền mà Ngân Hàng Lưu Ký nhận được theo Hợp Đồng này) tương ứng với khoảng thời gian mà Ngân Hàng Lưu Ký không phải thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng này tính từ ngày chấm dứt cho tới Ngày Đáo Hạn Chứng Quyền.

(c) Khi Tổ Chức Phát Hành chỉ định được Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế, Tổ Chức Phát Hành gửi văn bản thông báo đến Ngân Hàng Lưu Ký. Ngân Hàng Lưu Ký hoàn trả Phí dịch vụ theo Điều 8.1(b) trên đây, giải chấp Tài Sản Kỳ Quý và thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết khác để chuyển giao lại quyền, nghĩa vụ cho Ngân Hàng Lưu Ký Thay Thế.

8.2 Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký và bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây:

(a) Chấm dứt trong trường hợp việc chỉ định Ngân Hàng Lưu Ký chấm dứt theo quy định tại Điều 8.1 Hợp Đồng này

(b) Khi các Chứng Quyền được mua lại toàn bộ theo Bản Cáo Bạch hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Chứng Quyền đã được thực hiện đầy đủ.

(c) Theo thỏa thuận của Các Bên.

(d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

9. GIẢI CHẤP TÀI SẢN KỶ QUÝ

9.1 Theo đề nghị bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục cần thiết để giải chấp các Tài Sản Kỳ Quý trong các trường hợp sau:

a) Đợt chào bán Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành bị hủy bỏ;

b) Không có Chứng Quyền nào được Tổ Chức Phát Hành tạo lập và phát hành sau 15 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền cấp bởi Ủy ban Chứng khoán nhà nước có hiệu lực;

c) Chứng quyền bị hủy niêm yết;

d) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp chứng quyền không có lãi, Tổ Chức

Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền;

e) Vào một ngày sau Ngày Đáo Hạn, trường hợp chứng quyền cổ lai,

- Hoặc Ngân Hàng Lưu Ký nhận được văn bản xác nhận của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc Sở Giao Dịch chứng khoán việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền

- Hoặc Tổ Chức Phát Hành cung cấp cho Ngân Hàng Lưu Ký hồ sơ chứng minh được việc Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán cho Người Sở Hữu Chứng Quyền và được Ngân Hàng Lưu Ký chấp thuận.

f) Tổ Chức Phát Hành sử dụng Tài Sản Kỳ Quỹ tại Ngân Hàng Lưu Ký theo Hợp đồng này để thực hiện quyền cho Người Sở Hữu Chứng Quyền.

9.2. Thủ tục giải tỏa

Tổ Chức Phát Hành gửi Ngân Hàng Lưu Ký Giấy đề nghị giải tỏa Tài Sản Kỳ Quỹ và các tài liệu, hồ sơ cần thiết liên quan đến thủ tục giải tỏa, đảm bảo tuân thủ các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và/hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù Trừ Chứng khoán Việt Nam.

10. THÔNG BÁO

(a) Bất kỳ thông tin liên lạc nào liên quan đến Hợp Đồng này phải lập thành văn bản và, trừ khi được quy định khác đi, có thể được đưa ra:

(i) Bằng cách giao tận tay, bằng đường bưu điện, hoặc bằng fax; hoặc

(ii) Trong phạm vi được đồng ý bởi Các Bên đưa ra và nhận thông tin liên lạc, bằng thư điện tử hoặc các phương tiện truyền dữ liệu điện tử khác.

(b) Vì mục đích của Hợp Đồng này, thông tin liên lạc bằng phương tiện điện tử sẽ được xem như được lập thành văn bản.

(c) Chi tiết thông tin liên lạc của Các Bên để nhận tất cả các thông báo liên quan đến Hợp Đồng này như sau:

<u>Gửi đến Tổ Chức Phát Hành</u>	:	Công Ty TNHH Chứng Khoán ACB Địa Chỉ: 107N Trương Định, P. Xuân Hòa, TP.HCM Người Nhận: Vũ Trần Minh Trang Email: trangvtm@acbs.com.vn Điện Thoại: 0399817001 Fax: [.]
----------------------------------	---	---

<u>Gửi đến Ngân Hàng Lưu Ký</u>	:	Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam, Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Địa Chỉ: 56(sau)-64 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Sài Gòn, TP. HCM Người nhận: Phạm Mạnh Đức Email: ducpm8@bidv.com.vn Điện Thoại: 0907313883 Fax: (028) 39144714
-------------------------------------	---	--

hoặc theo địa chỉ khác được một Bên thông báo bằng văn bản cho Các Bên còn lại trước 03 ngày làm việc, kể từ ngày dự kiến thay đổi.

(d) Trừ khi được quy định dưới đây, bất kỳ thông tin liên lạc nào liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được xem là đã được đưa ra như sau:

- (i) Nếu bằng cách giao tận tay, tại thời điểm chuyển giao;
- (ii) Nếu bằng đường bưu điện, khi nhận được;
- (iii) Nếu bằng fax, thư điện tử hoặc bất kỳ phương tiện truyền dữ liệu điện tử nào khác khi nhận được dưới hình thức có thể đọc được.

(e) Thông tin liên lạc được đưa ra theo đoạn (d) nêu trên nhưng được nhận vào một ngày (không phải Ngày Làm Việc hoặc sau giờ làm việc tại nơi nhận) sẽ chỉ được xem như được đưa ra vào Ngày Làm Việc tiếp theo tại nơi đó.

(f) Bất kỳ thông báo nào được đưa ra liên quan đến Hợp Đồng này phải được lập bằng tiếng Việt.

11. SỬA ĐỔI

Hợp Đồng này chỉ có thể được sửa đổi nếu việc sửa đổi đó được lập thành văn bản có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và Ngân Hàng Lưu Ký.

12. THAY ĐỔI CÁC BÊN

(a) Không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng hoặc kế nhiệm được phép theo Hợp Đồng này liên quan đến bất kỳ Bên nào.

(b) Hợp Đồng này có hiệu lực ràng buộc đối với các bên kế nhiệm tương ứng và các bên nhận chuyển nhượng được phép hoặc các bên nhận chuyển giao được phép của các bên giao kết Hợp Đồng này và các bên kế nhiệm tương ứng và các bên nhận chuyển nhượng được phép hoặc các bên nhận chuyển giao được phép đó được quyền hưởng lợi ích và có các nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng này.

13. BẤT KHẢ KHÁNG

13.1 "Sự kiện bất khả kháng" có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, chiến tranh, hành động của chính quyền dân sự hoặc quân sự, cấm vận, trừng phạt, cháy, lũ lụt, nổ, tai nạn, việc cung cấp điện hoặc các tiện ích hoặc các dịch vụ khác bị gián đoạn, việc ban hành luật, sắc lệnh, quy định hoặc chỉ thị của chính phủ, cơ quan có thẩm quyền, cơ quan xuyên quốc gia hoặc phán quyết của tòa án hay trọng tài và bất kỳ lý do nào khác mà vượt quá sự kiểm soát của Ngân Hàng Lưu Ký.

13.2 Ngân Hàng Lưu Ký sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Tổ Chức Phát Hành về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc cung cấp dịch vụ theo Hợp Đồng này hoặc việc thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này, nếu bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, việc cản trở hoặc chậm trễ là do sự kiện vượt quá sự kiểm soát của mình, xảy ra do khách quan dù Ngân Hàng Lưu Ký đã áp dụng các biện pháp cần thiết cũng như đã sử dụng các khả năng được phép mà vẫn không khắc phục được Sự kiện bất khả kháng.

13.3 Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Ngân Hàng Lưu Ký phải thông báo cho với Tổ Chức Phát Hành và phải có nghĩa vụ áp dụng các biện pháp hợp lý để có thể giảm thiểu tổn thất mà Tổ Chức Phát Hành phải chịu do sự kiện bất khả kháng đó gây ra. Sau khi sự kiện bất khả kháng được chấm dứt, với điều kiện là Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, thì Ngân Hàng Lưu Ký vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của Hợp Đồng này.

13.4 Tổ Chức Phát Hành sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Ngân Hàng Lưu Ký về bất kỳ hành động phải thực hiện mà không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, cản trở hoặc chậm trễ trong việc thực hiện các công việc như được nêu tại Hợp đồng này hoặc việc không thực hiện toàn bộ hay một phần nghĩa vụ của mình nếu việc vi phạm đó là do Sự kiện bất khả kháng.

14. LUẬT ĐIỀU CHỈNH VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

14.1 Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

14.2 Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này, Bản Cáo Bạch Chứng Quyền, bao gồm bất kỳ nghi vấn nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc chấm dứt của Hợp Đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam ("VIAC") theo Quy Tắc Tổ Tụng Trọng Tài của VIAC. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là Tiếng Việt.

15. NGÔN NGỮ

Hợp đồng này được lập thành 03 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 01 bản gốc, Ngân Hàng Lưu Ký giữ 01 bản gốc, và Tổ Chức Phát Hành nộp Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước 01 bản gốc.

HỢP ĐỒNG NÀY đã được ký kết và cung cấp vào ngày được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này.

(Lưu ý: Trong trường hợp cụ thể, đối với một số khách hàng cụ thể, Chi nhánh giao kết Hợp đồng có thể bổ sung, đàm phán với khách hàng để bổ sung một số nội dung của Hợp đồng nhưng phải đảm bảo bảo vệ tối nhất quyền và lợi ích của BIDV và tuân thủ pháp luật)

CÁC BÊN KÝ KẾT

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

NGÂN HÀNG LƯU KÝ



Nguyễn Đức Hoàn
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Minh Châu
PHÓ GIÁM ĐỐC

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
Số chứng thực 01824509 Quyển SCT/BS

Ngày: 07-09-2026

Công chứng viên



Nguyễn Lê Ngân

PHỤ LỤC 1

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN CỔ BẢO ĐÀM

(kèm theo Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán số 04/2026/TT/BIDV-ACBS ngày 03/09/2026)

Mã chứng khoán cơ sở	FPT	HPG	MBB	MSN	MWG	SHB	STB	TCB	VIB	VNM	VPB
Mã chứng quyền	FPT/ACBS/ 7M/116	HPG/ACBS/ 7M/117	MBB/ACBS/ 7M/118	MSN/ACBS/ 7M/119	MWG/ACBS/ 7M/120	SHB/ACBS/ 7M/121	STB/ACBS/ 7M/122	TCB/ACBS/ 7M/123	VIB/ACBS/ 7M/125	VNM/ACBS/ 7M/126	VPB/ACBS/ 7M/127
Tên viết tắt	FPT7M116	HPG7M117	MBB7M118	MSN7M119	MWG7M120	SHB7M121	STB7M122	TCB7M123	VIB7M125	VNM7M126	VPB7M127
Loại CW	Chứng quyền mua										
Phương thức thanh toán	Tiền mặt										
Kiểm thực hiện quyền	Chứng quyền mã người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn										
Thời hạn (tháng)	7										
Tỷ lệ chuyển đổi	9:1	3:1	3:1	9:1	9:1	2:1	7:1	4:1	2:1	7:1	3:1
SLCW phát hành	15,000,000	28,000,000	23,000,000	20,000,000	28,000,000	15,000,000	15,000,000	20,000,000	20,000,000	15,000,000	20,000,000
Số tài khoản	8660046976	8680070247	8600126140	8610126149	8620126139	8620126145	8630126141	8640126146	8670126143	8670126147	8690126148

PHỤ LỤC 2

TAJ SÀN KỶ QUỸ

(kèm theo Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán số 04/2026/TT/BIDV-ACBS ngày 03/09/2026)

TT	Số hợp đồng/ Số FDR	Số tiền (VND)	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Ngày mở hợp đồng	Ngày đáo hạn	Giá Trị Kỳ Quỹ	Tên chứng quyền được bảo đảm
1.	187/2026/HĐYTG-ĐCTC ngày 03/09/2026	358.500.000.000	214 ngày	7,8	03/09/2026	05/04/2027	358.500.000.000	Theo danh sách tại Phụ lục I Hợp Đồng Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán số 04/2026/TT/BIDV-ACBS ngày 03/09/2026
	TỔNG	358.500.000.000					358.500.000.000	

Tổng giá trị ký quỹ bằng chữ: Ba trăm năm mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng

PHỤ LỤC 3

PHÍ DỊCH VỤ

(kèm theo Hợp đồng ký quỹ bảo đảm thanh toán số: 04/2026/TT/BIDV-ACBS ngày 03/09/2026)

Phụ lục này quy định về mức Phí Dịch vụ nêu tại Điều 6 Hợp Đồng.

1. Phí Dịch vụ Quản lý Tài Sản Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán của Chứng Quyền

Nội dung Phí Dịch vụ	Phí Dịch vụ Quản lý Tài Sản Ký Quỹ Bảo Đảm Thanh Toán của Chứng Quyền
Phương thức tính Phí Dịch vụ	- Phương thức tính phí: Giá trị Chứng quyền chào bán (căn cứ theo Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền và Thông báo phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành) nhân (x) Thời Hạn Chứng Quyền (căn cứ theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng quyền) nhân (x) Tỷ lệ Phí dịch vụ chia (%) 12 tháng - Tỷ lệ phí: 0,5 %/năm, tối thiểu 2.000.000 VND/tháng
Đồng tiền thanh toán	Việt Nam Đồng
Thông báo Phí Dịch vụ	Tại thời điểm sau khi Ngân Hàng Lưu Ký nhận được Thông báo phát hành Chứng Quyền của Tổ Chức Phát Hành và Thông báo kết quả phân phối Chứng quyền của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Ngân Hàng Lưu Ký sẽ thực hiện tính toán Phí Dịch vụ này hàng tháng và gửi Thông Báo Phí Dịch Vụ cho Tổ Chức Phát Hành.
Thanh toán Phí Dịch vụ	Phí dịch vụ được thanh toán hàng tháng. Tổ Chức Phát Hành ủy quyền cho Ngân Hàng Lưu Ký tự động thu khoản Phí Dịch vụ này trên tài khoản số 119051598 căn cứ theo Thông Báo Phí Dịch Vụ nói trên
Hóa đơn Phí Dịch vụ	Ngân Hàng Lưu Ký có nghĩa vụ xuất hóa đơn tài chính cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày thu phí Dịch vụ

Ngoài mức Phí dịch vụ nêu trên, Tổ Chức Phát Hành ủy quyền cho Ngân Hàng Lưu Ký thu các loại phí: Phí chuyển tiền, phí duy trì tài khoản, phí thông báo/gửi sao kê, phí dịch vụ ngân hàng khác tài khoản số 119051598. (Đây là phí dịch vụ ngân hàng được Ngân Hàng Lưu Ký thu trên từng giao dịch/hoạt động phát sinh của Tổ Chức Phát Hành theo quy định Biểu phí của Ngân Hàng Lưu Ký trong từng thời kỳ).

